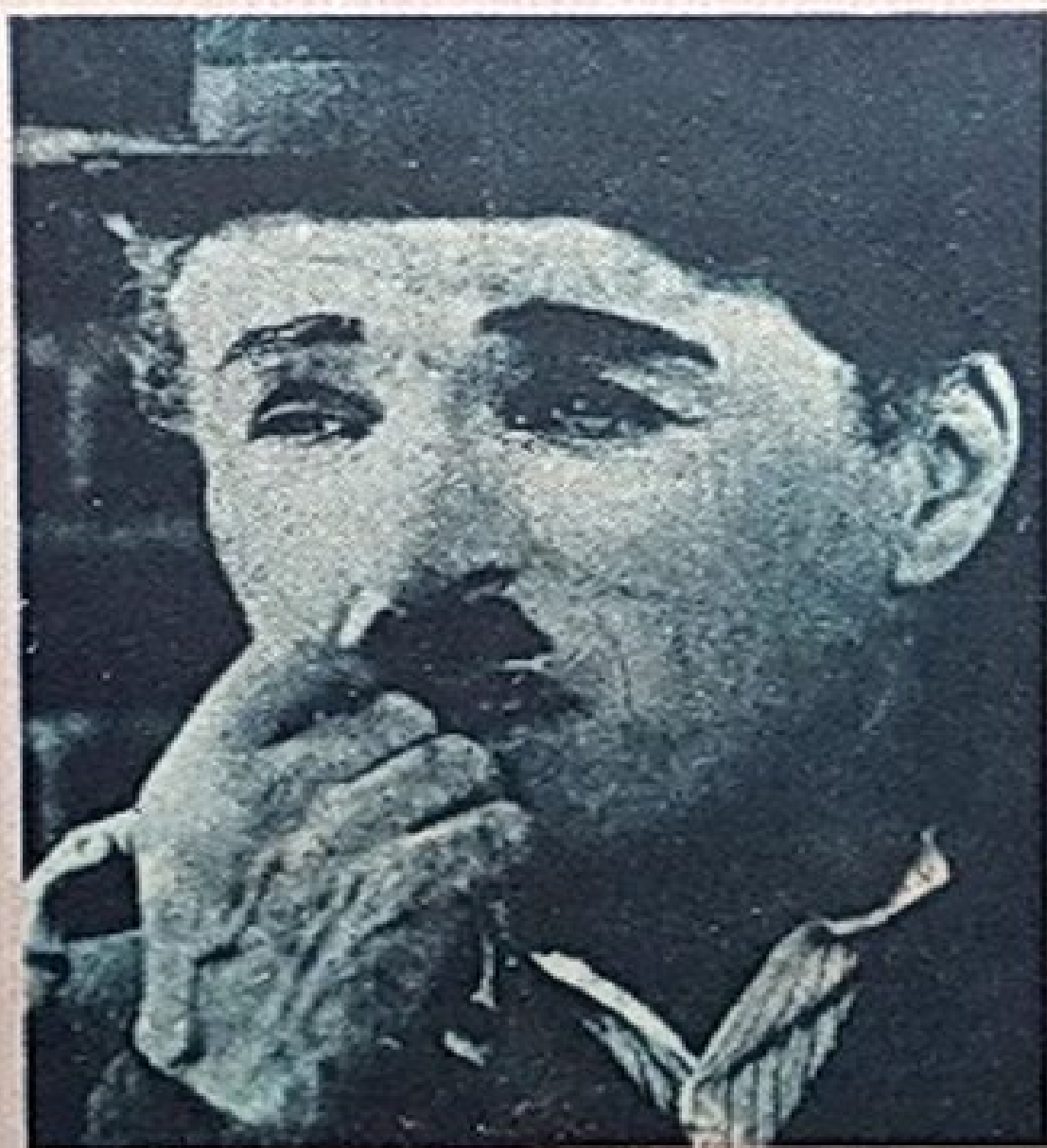


cuộc đời thơ ầu của vua hế sạt lô

VŨ HẠNH dịch



Cuộc Đời Thơ Ấu Của Vua Hề Sạc Lô

Vũ Hạnh

(2018)

Ngày nay không ai là không biết đến vua hề Sạc-Lô (Charlot) với những dáng vẻ đặc biệt khôi hài, với những kiểu cách độc đáo trong mọi cử điệu, với những phim câm có thể gây những trận cười giòn giã, nhưng đồng thời cũng làm cho người xem chua xót, buồn ngủ. Từ xưa vai hề được xem như kẻ phụ thuộc, cốt để làm vui khán giả hầu giúp đổi thay không khí trong các màn lớp của một vở tuồng. Nhưng với Sạc-Lô, vai hề đã được nâng cao lên đến tột đỉnh vinh quang của một vai trò chủ yếu bằng một nghệ thuật siêu đẳng. Bởi qua thiên tài Sạc-Lô, vai hề không chỉ giải trí người xem mà còn đề cập đến nhiều vấn đề xã hội lớn lao, đồng thời bày tỏ một quan niệm sống. Sạc-Lô đứng hẳn về phía những kẻ cùng khổ, thiết thời, để mà phê phán cuộc đời. Chính quan niệm sống đúng đắn ấy giúp phát hiện được hết khía cạnh của tài năng ông và làm nghệ thuật của ông gắn liền, hòa hợp với cuộc sống chung quanh. Vì thế ông được ngưỡng mộ như một vĩ nhân, và trong phạm vi nghệ thuật ông là thiên tài quốc tế được nhiều người biết đến nhất.

Cuộc Đời Thơ Ấu Của Vua Hề Sạc Lô

Charlie+VũHạnh Chaplin

vietmessenger.com

LỜI NÓI ĐẦU

Ngày nay không ai là không biết đến vua hề Sạc-Lô (Charlot) với những dáng vẻ đặc biệt khôi hài, với những kiểu cách độc đáo trong mọi cử điệu, với những phim câm có thể gây những trận cười giòn giã, nhưng đồng thời cũng làm cho người xem chua xót, buồn ngùi.

Từ xưa vai hề được xem như kẻ phụ thuộc, cốt để làm vui khán giả hầu giúp đổi thay không khí trong các màn lớp của một vở tuồng. Nhưng với Sạc-Lô, vai hề đã được nâng cao lên đến tột đỉnh vinh quang của một vai trò chủ yếu bằng một nghệ thuật siêu đẳng. Bởi qua thiên tài Sạc-Lô, vai hề không chỉ giải trí người xem mà còn đề cập đến nhiều vấn đề xã hội lớn lao, đồng thời bày tỏ một quan niệm sống. Sạc-Lô đứng hẳn về phía những kẻ cùng khổ, thiết thời, để mà phê phán cuộc đời. Chính quan niệm sống đúng đắn ấy giúp phát hiện được hết khía cạnh của tài năng ông và làm nghệ thuật của ông gắn liền, hòa hợp với cuộc sống chung quanh. Vì thế ông được ngưỡng mộ như một vĩ nhân, và trong phạm vi nghệ thuật ông là thiên tài quốc tế được nhiều người biết đến nhất.

Chúng ta chỉ biết Sạc-Lô qua những phim câm và thường nghe nói về ông như một con người có nhiều tài năng, danh vọng, nhưng chưa biết đến những ngày khốn khổ của ông trong buổi thiếu thời. Có lẽ chưa có một vĩ nhân nào đã trải qua một tuổi thơ đói nghèo như thế, và cũng có lẽ nỗi khốn khổ ấy đã sớm giúp ông đạt đến thiên tài, một thiên tài gắn gũi nhiều với đông đảo người trên thế giới này.

Ở đây chúng tôi đã chọn trích dịch đoạn đầu quyển hồi ký *Chuyện Đời Tôi* do chính vua hề Sạc-Lô viết về đời mình. Trong khi chờ đợi điều kiện thuận tiện để in toàn bộ tập hồi ký ấy, chúng tôi mong rằng đoạn trích dịch này có thể giúp các bạn trẻ suy nghĩ nhiều hơn về sự hình thành của một thiên tài, và tìm thấy trong những nỗi gian nan

mà chính cậu bé Sạc-Lô trải chịu, nhiều sự khích lệ cho mình cầu tiến.

Sàigòn 1/5/1974

V. H.

Chương 1

Tôi sinh ra đời vào ngày 16 tháng 4 năm 1889 lúc 8 giờ tối, tại miền Đông Lan (East Lane). Sau đó một thời gian, gia đình chúng tôi đến ngụ tại khu Lâm-Bết (Lambeth). Cứ tin theo lời mẹ tôi kể lại sau này thì chỗ mà chúng tôi tới rất là sung sướng. Ở đó có sẵn tiện nghi, chúng tôi được sống trong ba gian nhà đầy đủ bàn ghế cùng các vật dụng. Một trong những kỷ niệm đầu tiên của tôi là vào mỗi tối trước khi mẹ tôi đến hí viện, anh Xít-nê (Sydney) và tôi được đặt nằm trong cái giường tử tế, có chị bồi phòng trông nom. Trong thế giới của một đứa trẻ con mới ba tuổi rưỡi mà tôi đang sống, mọi việc có vẻ dễ dàng. Anh Xít-nê, hơn tôi bốn tuổi, có thể làm đủ các trò ảo thuật như nuốt trọn một đồng tiền và làm cho nó lọt ra ở đằng sau gáy. Tôi cũng có thể làm vậy, và một hôm tôi đã nuốt trọn một đồng xu khiến mẹ tôi phải chạy tìm thầy thuốc cứu cấp.

Hôm nào cũng vậy, khi mẹ tôi từ hí viện về, bà có thói quen để ở trên bàn những thứ ngon ngọt mà anh Xít-nê và tôi tìm thấy vào sáng hôm sau, miếng bánh, hay những cây kẹo, và bù trở lại chúng tôi không được làm ồn vì bà thường dậy rất trễ.

Mẹ tôi thủ vai trong những hài kịch, bà người xinh xắn, tuổi tác xấp xỉ ba mươi, mặt sáng, mắt xanh, mái tóc vàng hoe và dài đến độ bà có thể ngồi lên trên. Anh Xít-nê và tôi đều yêu quý mẹ chúng tôi hết sức. Dù bà không có sắc đẹp khác thường, chúng tôi vẫn thấy bà thật kỳ diệu.

Thời ấy thành phố Luân Đôn là một đô thị yên lành. Nhịp điệu sinh hoạt ở đó khá tĩnh, những xe công cộng do ngựa kéo đi cũng tiến

chậm chạp. Không khí nói chung vui vẻ, dễ chịu với những cửa tiệm đáng yêu, với những quán rượu và những rạp hát.

Rồi một tai biến xảy ra, có lẽ một tháng hay là vài ngày sau đó, thỉnh thoảng tôi cảm thấy rằng mọi việc không thể dễ dàng thuận lợi giữa mẹ tôi với cuộc đời bên ngoài. Bà ra đi suốt buổi sáng với một bà bạn, và khi trở về tỏ ra kích động lạ thường. Tôi đùa nghịch dưới sàn gỗ và cảm thấy phía trên mình có sự khua động nặng nề, như tôi đang nghe ngóng dưới từ một đáy giếng. Tôi nghe mẹ tôi cất lên những tiếng than trách, thỉnh thoảng lại nức nở khóc và cứ nhắc mãi tên ông An Trung (Amstrong) : Nào An Trung nói điều nọ, An Trung là thằng quỉ! Sự kích động của bà kỳ lạ và dữ dội đến mức tôi phải khóc lên khiến mẹ tôi phải ôm tôi vào lòng để mà dỗ dành. Vài năm sau đó, tôi mới hiểu được ý nghĩa những gì xảy ra hôm ấy. Mẹ tôi ở tòa án về và bà đã kiện cha tôi vì ông không chịu trả đủ món tiền trợ cấp ăn uống cho mẹ con tôi, và tòa xử không lợi mấy cho bà. An Trung là luật sư của cha tôi.

Thật tôi cũng hiểu lơ mờ rằng tôi có một người cha, và tôi cũng không nhớ thật rõ ràng ông ta có sống chung với chúng tôi một lúc nào không. Ông cũng là một nghệ sĩ, một người trầm lặng, buồn rầu, có một cặp mắt u tối. Mẹ tôi bảo rằng ông giống Nã Phá Luân. Thời ấy, ông đã lãnh lương khá cao, bốn mươi đồng “liu” (livre) mỗi tuần. Cái nguy là ông uống rượu quá mức, và theo mẹ tôi đó là nguyên nhân khiến bố mẹ xa nhau.

Thời ấy nghệ sĩ không sao tránh được say sưa, vì người ta bán đầy rượu trong các rạp hát, và khi nghệ sĩ diễn xong màn lớp của mình thì họ thường đến các “ba” ở rạp cùng ly với khán giả. Nhiều rạp thủ lợi nhờ vào bán rượu hơn là trình diễn và có một số tài tử lãnh được thù lao khá lớn không chỉ nhờ vào tài năng mà nhờ họ tiêu được khá nhiều tiền ở các “ba” đó. Do vậy, đã có rất nhiều nghệ sĩ khánh tận vì rượu, và cha của tôi là một trong số người đó. Vào năm ba mươi bảy tuổi, ông đã qua đời vì nhiễm độc rượu.

Về việc này, mẹ tôi đã kể khá nhiều câu chuyện vừa buồn lại vừa hóm hỉnh. Khi bố tôi uống, tính tình của ông trở nên hung hãn khác thường. Gặp một đạo nọ ông nổi cơn lên, mẹ tôi phải chạy đi trốn tại

một nơi khác, và khi ông đánh điện hoảng hốt hỏi bà : “Em làm gì đó? Trả lời ngay đi”, bà đã điện lại như sau : “Nhảy nhót, ăn chơi, anh yêu dấu ạ”.

Mẹ tôi là người chị cả của hai chị em. Thân phụ của bà là một thợ giày quê quán ở Ái Nhĩ Lan. Ông có đôi gò má hồng như quả táo, một mái tóc bạc và một chòm râu giống như Cạc-Lin (Carlyle - Sử gia Tô Cách Lan, thế kỷ 19) trong một bức họa. Người ông gập lại làm đôi vì bệnh phong thấp và theo ông bảo là tại ông ngủ nhiều năm trong những cánh đồng ẩm ướt để trốn cảnh sát, vào dịp các cuộc khởi nghĩa của những thành phần yêu nước.

Bà ngoại của tôi cũng gần như thuộc vào hạng du mục lang thang. Đó là mối nhục ở trong gia đình. Bà vẫn thường khoe rằng gia đình bà luôn luôn trả tiền thuê đất mà các đoàn du mục đã cắm trại. Về bà, tôi chỉ còn ghi lại kỷ niệm của một cụ già nhỏ bé và đầy nhiệt tình, và cũng trò chuyện với tôi như với một đứa sơ sinh. Tôi chưa lên được sáu tuổi thì bà đã qua đời rồi. Bà đã sống xa ông tôi do những lẽ nào mà không ai chịu nói rõ. Nhưng theo dì Cát thuật lại thì chính vì ông tôi từng bắt gặp bà tôi ngoại tình.

Phán đoán giá trị đạo đức gia đình chúng tôi theo những tiêu chuẩn đạo lý thông thường là phạm vào một lầm lẫn quan trọng như đem một cái nhiệt kế nhúng vào nước sôi. Thừa hưởng truyền thống như thế, hai cô gái đẹp của ông thợ giày đã sớm rời bỏ gia đình ra đi, lôi cuốn bởi ánh đèn màu sân khấu.

Dì Cát (Kate), người em ruột của mẹ tôi, cũng là diễn viên sân khấu, nhưng chúng tôi không được biết khá nhiều về bà, vì bà xuất hiện rất ít ở trong đời sống chúng tôi. Xinh đẹp và nóng nảy, bà không hòa hợp được với mẹ tôi. Thỉnh thoảng các cuộc thăm viếng của bà thường được kết thúc một cách đột ngột, do một nhận xét khó chịu của bà về một đôi điều mẹ tôi đã nói hoặc là đã làm.

Vào năm mười tám, mẹ tôi đã qua Phi Châu với một người trai cũng độ tuổi ấy. Bà thường kể chuyện đời sống của bà ở đó, một đời nhung lụa giữa các đồn điền, giữa các kẻ hầu người hạ, giữa những ngựa xe. Vào năm mười tám bà sinh anh Sít-nê tôi. Người ta bảo

rằng anh là con trai của một huân tước và khi nào anh hai mươi mốt tuổi anh sẽ hưởng một gia tài độ chừng hai ngàn đồng “liu”, điều này làm tôi thích thú nhưng cũng làm tôi khó chịu.

Mẹ tôi không nán lại Châu Phi mà quay trở về nước Anh và lấy cha tôi. Tôi không hiểu rõ vì sao cuộc đời của bà ở nơi miền đất xa lạ đã được chấm dứt, nhưng vì phải sống trong cảnh khốn cùng tôi thường phiền trách mẹ tôi sao lại từ bỏ cuộc đời xa hoa như thế. Nghe vậy, bà cười và bảo lúc ấy bà còn trẻ quá nên không có đủ khôn ngoan để biết lo xa.

Tôi cũng không rõ mối tình mẹ tôi đối với cha tôi ra sao, nhưng mỗi khi nói về ông, giọng bà vẫn giữ một vẻ thản nhiên, điều đó khiến tôi nghĩ rằng mẹ tôi không tha thiết lắm nên mới có một thái độ khách quan như thế. Đôi khi bà gợi lại kỷ niệm cũ với lòng xót thương, đôi khi bà nhắc lại sự say sưa và sự hung bạo của ông. Sau này, mỗi lần có điều gì phải giận tôi, bà nói một cách buồn rầu : “Mày sẽ kết thúc đời mày trong rượu như cha mày thôi”.

Mẹ tôi đã biết cha tôi trước khi bà đi Phi Châu. Hai người yêu nhau và cùng đóng chung trong một gánh hát. Mới mười sáu tuổi, mẹ tôi đã thủ một vai đào nhất trong gánh hát mình. Nhưng trong một chuyến lưu diễn của đoàn, bà đã gặp được vị huân tước nọ và theo ông sang Phi Châu. Khi quay về Anh Cát Lợi, bà đã gặp lại cha tôi và cùng ông nối lại đường tơ đã đứt rồi họ cưới nhau. Ba năm sau đó, thì tôi ra đời.

Tôi không hiểu có yếu tố nào khác ngoài chuyện rượu chè đã can dự vào đời sống của cha mẹ tôi, nhưng một năm sau khi tôi ra đời thì họ xa nhau. Mẹ tôi không đòi phụ cấp gì cả, vốn là đào hát có hạng, mỗi tuần thù lao tới hai mươi lăm đồng “liu” bà có thể tự lo liệu mọi sự chu cấp cho mình và cho con cái. Chỉ đến khi gặp rủi ro bà mới tìm cách đòi hỏi cha tôi giúp đỡ, không thì chẳng bao giờ bà quyết định nhờ tới pháp luật can thiệp.

Bà phải khổ sở vì cái giọng nói của bà. Giọng nói không được lớn lắm và cứ mỗi lần cảm mạo thì lại bị sưng cuống họng kéo dài đến nhiều tuần lễ. Nhưng bà bị bắt buộc phải làm việc đến nỗi giọng nói

lần lần hư cả. Giữa một bài hát, giọng bà bẻ đi, và bất thành linh giọng hát biến thành một tiếng thì thầm khiến cho khán giả cười rộ rồi cùng la ó phản đối. Mối lo buồn đó khiến cho sức khỏe của bà suy yếu và tinh thần bà tiêu tụy thêm lên. Rồi những giao kèo với những đoàn hát càng ngày càng giảm sút dần cho đến một lúc bà phải hoàn toàn thất nghiệp. Chính vì lý do như thế mà lúc mới lên năm tuổi tôi phải xuất hiện lần đầu ở trên sân khấu. Mẹ tôi thường thích mỗi tối dẫn tôi đến rạp hơn là để tôi ở nhà một mình. Bà diễn xuất ở rạp Can-Ti-Ni (Cantini), thời đó là một rạp hát tồi tàn, bần thủ, khán giả chỉ gồm phần lớn là các binh lính. Họ là một thứ công chúng ồn ào và dựa vào đủ cơ hội để mà diễu cợt diễn viên. Đối với nghệ sĩ, phải đóng một tuần ở đó là cả một sự thử thách khó khăn. Tôi còn nhớ lúc tôi đang ở trong hậu trường thì giọng hát của mẹ tôi bỗng dưng bị tắt, chỉ còn là một hơi thở. Công chúng cười rộ, hát nhại lời bà rồi huýt sáo. Sự ồn ào cứ gia tăng khiến mẹ tôi bị bắt buộc ra khỏi sân khấu. Khi bà bước vào hậu trường, bà rất bối rối, rồi bà nói chuyện với viên giám đốc vốn từng thấy tôi hát trước một số bạn hữu mẹ tôi nên ông bảo tôi đi ra thay thế cho bà. Giữa sự hỗn loạn như vậy, ông dắt tay tôi bước ra và sau vài lời giải thích với đám khán giả, bỏ tôi đứng lại một mình ở trên sân khấu. Rồi trước ánh sáng chói chang và những khuôn mặt mờ khuất trong khói, tôi bắt đầu hát.

Trong khi tôi hát, một cơn mưa tiền rơi xuống sân khấu. Tôi vội đứng lại, bảo rằng tôi cần phải lượm tiền trước mới tiếp tục được. Điều đó khiến người ta cười nhiều hơn. Người giám đốc đoàn bước ra với chiếc khăn tay để giúp đỡ tôi lượm tiền. Tôi tưởng rằng ông ta muốn giữ lấy số tiền đó. Khán giả hiểu sự lo lắng của tôi càng cười hơn nữa, nhất là khi ông biến mất sau màn với chiếc khăn tay và tôi ngỡ ngác theo ông. Tôi chỉ tiếp tục hát lại sau khi ông đã giao trọn số tiền cho mẹ tôi. Tôi thật sung sướng. Tôi nói chuyện với khán giả, tôi nhảy nhót, tôi hát nhại đủ kiểu lối. Với sự ngây thơ của mình tôi nhại cả bài mà mẹ tôi hát, tôi lại bắt chước giọng bà bị tắt nửa chừng và tôi hết sức ngạc nhiên thấy điều đó tác động đến khán giả chừng nào. Có nhiều tiếng cười, những tiếng tán thưởng và một trận mưa tiền khác tuôn xuống. Đến khi mẹ tôi bước ra sân khấu để đưa tôi

vào, bà đón được tràng vỗ tay như sấm. Đêm đó là đêm xuất hiện đầu tiên của tôi ở dưới ánh đèn sân khấu và cũng là đêm cuối cùng của mẹ tôi. Khi định mệnh đã bắt đầu chi phối số phận của người, định mệnh gần như không biết đến lòng thương xót, đến sự cảm thông. Mẹ tôi không còn bao giờ tìm được giọng nói của mình, rồi như mùa đông nối tiếp mùa thu, cảnh ngộ chúng tôi càng khốn đốn thêm. Dù rằng mẹ tôi sớm biết lo xa và có dành dụm được ít nhiều tiền để phòng thiếu thốn, món tiền ấy cũng được tiêu rất chóng. Rồi đến các món nữ trang của bà và bao nhiêu đồ vật dụng nhỏ nhất khác nữa cũng được bà đem cầm đỡ để mượn món tiền nuôi sống qua ngày với niềm hy vọng ngày kia có thể tìm lại giọng nói của mình. Trong cảnh chờ đợi như vậy, chúng tôi không còn ở ba căn nhà như cũ mà thu gọn trong hai căn, rồi lại một căn, đồ đạc chúng tôi cũng thu hẹp lại và gian phố chúng tôi ở càng ngày trông càng buồn thảm.

Mẹ tôi bèn quay lại với tín ngưỡng, hy vọng nhờ thế bà sẽ tìm lại giọng nói. Bà đi lễ rất đều đặn và chủ nhật nào tôi cũng phải ngồi ngoan ngoãn để nghe giọng hát sùng đạo vang dội trong ngôi giáo đường như tiếng động của bước chân kéo lê. Những bài hát ấy hình như là cảm động lắm vì tôi thỉnh thoảng bắt gặp mẹ tôi yên lặng ngồi lau nước mắt, điều đó khiến tôi bối rối phần nào.

Từ khi mẹ tôi lo chuyện tín ngưỡng, ít khi bà gặp lại bạn bè hát xướng ngày xưa. Tất cả thế giới ấy biến tan rồi, chỉ còn là một kỷ niệm. Và chúng tôi phải luôn luôn sống trong nghèo túng, thoi thóp sống trong hoàng hôn u ám lạ thường. Việc làm tìm rất khó khăn, mẹ tôi chỉ chuyên về nghề trình diễn, còn đau khổ thêm vì nhiều chuyện khác. Bà vốn bé nhỏ, tế nhị và đa cảm, phải chống đối lại một cách khó khăn với những điều kiện sinh hoạt khủng khiếp trong cái thời đại mà sự giàu sang cùng với nghèo nàn đạt tới biên giới tột cùng, ở cái thời đại mà phụ nữ nghèo không có sự lựa chọn nào khác là làm tôi tớ hoặc kéo lê lê như những nô lệ trong các xưởng thợ. Thỉnh thoảng bà cũng tìm được việc làm như phụ tá trong bệnh viện nhưng chuyện đó rất hiếm hoi và không được bền. Kể ra, bà cũng có nhiều khả năng : chính bà may lấy quần áo sân khấu của mình và bà có thể sử dụng đường kim mũi chỉ để may mặc cho kẻ

khác, nhưng việc làm ấy cũng không đủ bảo đảm được sự sống cho ba chúng tôi. Lại thêm cha tôi say sưa, các đoàn hát ít chịu ký giao kèo với ông nên các món tiền phụ cấp hàng tuần của ông cũng không đều đặn.

Mẹ tôi bây giờ đã bán hầu hết đồ đạc trong nhà, chỉ còn lại mỗi chiếc rương với những áo quần sân khấu mà thôi. Bà vẫn bám víu vào đó với niềm hy vọng tìm lại giọng nói của mình để quay về với sân khấu. Thỉnh thoảng bà lại lục sạo trong rương tìm vật gì đó, chúng tôi thấy một chiếc áo dài rực rỡ, một món tóc giả, và chúng tôi bảo mẹ tôi mang vào. Tôi còn nhớ lại hình ảnh của bà khoác các áo mào vào mình và hát một trong những bài hát cũ do bà đặt lời đã được trình diễn thành công.

Bà vừa nhảy vừa hát với sự thoải mái kỳ lạ, quên hết mọi việc vá may, và chúng tôi lại có dịp thưởng thức những bài hát khác của bà, vừa nhảy theo bà, cho đến khi bà hụt hơi và đuối sức hẳn.

Càng ngày chìm sâu hơn trong nghèo đói, tôi vẫn đem cái tấm lòng ngây thơ con trẻ phiên trách mẹ tôi sao không trở lại hí trường. Bà mỉm cười bảo đời sống sân khấu là một cuộc đời giả tạo, sai lạc, và trong cuộc đời như thế người ta dễ dàng quên mất tín ngưỡng của mình. Tuy vậy mỗi lần có dịp nói về sân khấu bà lại biểu lộ tấm lòng cuồng nhiệt khác thường. Nhiều ngày, gọi lại những kỷ niệm cũ, bà bỗng ngồi yên rất lâu vừa cúi xuống để vá may, và tôi cũng cảm thấy buồn vì chúng tôi không còn tham dự nữa vào cái cuộc đời xán lạn như thế. Và khi mẹ tôi nhìn lên, thấy tôi buồn bã, mẹ tôi lại tìm mọi cách để an ủi tôi.

Mùa đông vừa đến, anh Sít-nê không có đồ mặc ấm, mẹ tôi phải lấy chiếc áo nhung cũ của bà, chiếc áo có những cánh tay sọc đỏ, sọc đen với những nếp xếp ở vai mà mẹ tôi cố xóa bỏ nhưng không sao được như ý. Anh Sít-nê khóc khi bị bắt buộc phải đeo chiếc áo khoác ấy:

- Nghĩ xem, bạn bè sẽ nghĩ ra sao về chiếc áo này?

Mẹ tôi bèn đáp:

- Người ta nghĩ gì, kệ họ. Hơn nữa, chiếc áo này có vẻ sang.

Mẹ tôi cũng có khiếu năng thuyết phục đến nỗi tới ngày hôm nay anh Sít-nê vẫn không hiểu tại sao lại chấp nhận mặc món đồ như vậy. Nhưng anh vâng lời, và áo khoác ấy với một đôi giày đã được mẹ tôi xén gót khiến anh thành một đề tài sôi động ở trường.

Đó là thời kỳ mẹ tôi bắt đầu than phiền về chứng đau đầu và không thể nào tiếp tục may vá được nữa.

Trải nhiều ngày liền bà phải nằm dài trong phòng u tối với đôi mắt băng bó đầy xác trà. Họa sĩ Pi-Cát-Xô (Picasso) đã có một thời kỳ xanh, chúng tôi đã biết một thời kỳ xám, trong thời kỳ này chúng tôi đã sống qua ngày nhờ lòng thương hại của chốn giáo đường, những phiếu kiểm cháo và những món hàng gửi đến do những cơ sở từ thiện. Giữa các giờ học, anh Sít-nê đi bán báo, và dù sự đóng góp ấy chỉ như giọt nước trong biển cả cũng đem lại được an ủi phần nào.

Một hôm, mẹ tôi đang nằm với một cuộn băng trên mắt thì anh Sít-nê nhảy bổ vào phòng, vất báo trên giường và kêu to lên : “Con đã lượm được túi tiền!” Anh đưa túi tiền cho mẹ mở ra, bà thấy có một chồng bạc. Bà vội khép lại, và đuối sức vì xúc động bà ngã xuống giường.

Anh Sít-nê bán báo trong các xe buýt. Trên ghế của một chiếc xe, anh bắt gặp được túi tiền ở một chỗ ngồi để trống. Anh vội thả một tờ báo lên trên, làm như vô ý, rồi cúi xuống lượm cùng với túi tiền và bước xuống xe vội vàng. Đến một vườn rào, nơi một khu đất bỏ hoang anh mở ra xem và thấy đầy bạc. Anh kể cho chúng tôi nghe tìm anh đã đập ra sao, và không kịp đếm số bạc anh đã chạy thẳng về nhà.

Khi mẹ tôi bình tĩnh lại, bà róc túi tiền lên giường. Bên trong còn một túi khác bọc kín và bà mở ra, đếm được bảy đồng tiền vàng. May thay không tìm thấy địa chỉ nào, nếu không mẹ tôi sẽ chẳng yên lòng sử dụng tiền ấy.

Tôi cũng không hiểu căn bệnh mẹ tôi thuộc về thể xác hay là tinh thần nhưng sau đó độ một tuần thì bà khỏi hẳn. Món tiền sớm hết, mẹ con tôi lại đối diện với những thời buổi khó khăn. Mẹ tôi tìm việc nhưng kiếm không ra. Tiền nợ chậm trễ, người ta lấy lại máy may. Và cả món tiền mười đồng mỗi tuần cha tôi chu cấp, ông cũng thôi luôn.

Quá đối tuyệt vọng, mẹ tôi nhờ đến một luật sư khác nhưng vì thấy không hưởng được gì nhiều trong vụ, ông khuyên mẹ tôi giao con cho nhà chức trách ở khu Lâm Bết để buộc cha tôi thanh toán tiền thiếu.

Không còn phương cách nào khác : mẹ tôi có hai đứa con mà bà lại đau yếu mãi, bà quyết định ba mẹ con vào hết trong Viện Tế Bần Lam-Bết để sống qua ngày.

Chương 2

Khi nghe mẹ chúng tôi bảo phải vào trong Viện Tế Bần anh tôi và tôi không hề cảm thấy nổi tủi nhục nào vì cứ nghĩ rằng sẽ được bước chân vào cuộc phiêu lưu, và từ lâu nay sống trong gian nhà chật chội nóng bức, bây giờ được sự thay đổi cũng là điều may. Phải đợi đến lúc bước khỏi ngưỡng cửa thành phố tôi mới hiểu được những gì sẽ phải xảy ra. Nơi đây tôi cảm thấy nổi cô độc, lạc loài, vì người ta liền chia rẽ chúng tôi, mẹ tôi đi về phía nhà dành cho đàn bà, chúng tôi về phía dành cho trẻ em.

Tôi vẫn còn như thấy rõ nỗi buồn tê tái của ngày đầu tiên chúng tôi đến thăm viếng mẹ : nhìn thấy mẹ bước vào phòng khách mặc những quần áo của Viện Tế Bần tôi thực đau xót làm sao. Bà có vẻ gì lúng túng, lạc lõng. Chỉ một tuần lễ bà đã gầy đi và già sạm đi. Nhưng khuôn mặt bà bỗng sáng chói lên khi thấy chúng tôi. Anh tôi và tôi cùng òa lên khóc nức nở, làm cho mẹ tôi khóc theo. Những giọt nước mắt chảy dài trên đôi má hóp của bà. Cuối cùng bà tự trấn tĩnh lại được, rồi mẹ con tôi ngồi trên một chiếc ghế gỗ, tay đặt trên đùi và bà vỗ nhẹ lên tay chúng tôi một cách âu yếm, mỉm cười nhìn đầu tóc đã cạo ngắn của anh em tôi. Bà vuốt ve đầu chúng tôi một cách an ủi vừa hứa hẹn rằng mẹ con chúng tôi lại sớm có ngày hội ngộ cùng nhau. Từ trong tạp dề bà lôi ra gói mút dừa mua ở trong câu lạc bộ của Viện dưỡng lão nhờ tiền thuê đan cho một nữ khán hộ. Khi chúng tôi phải từ giã mẹ để ra đi, anh tôi cứ lặp lại mãi một cách buồn thảm là anh thấy mẹ già đi quá nhiều.

Dần dà anh em chúng tôi cũng quen thuộc dần đời sống trong viện nhưng không tránh khỏi buồn thảm. Tôi không còn nhớ thật rõ cuộc sống trong giai đoạn này, chỉ còn mờ mờ tượng tượng những bữa ăn trưa nơi chiếc bàn dài cùng với những đứa trẻ khác mà ai cũng đều nôn nóng đợi chờ. Một ông cụ chừng bảy mươi lăm tuổi, với vẻ đĩnh đạc, một chòm râu trắng, một cặp mắt buồn, là người từng sống lâu năm trong viện chủ tọa bữa ăn. Ông chỉ định tôi ngồi bên cạnh ông vì ông bảo rằng tôi là đứa bé nhỏ nhất và tôi có những lọn tóc gút quăn nhiều nhất. Ông gọi tôi là tiểu đồng và bảo khi nào lớn lên tôi sẽ đợi

mũ chóp cao với một cờ hiệu và ngồi vòng tay phía sau xe ngựa bốn bánh của ông. Vui sướng trước lời hứa hẹn như thế, tôi cảm thấy mến ông cụ lạ lùng. Nhưng chỉ một hai ngày sau, một đứa bé hơn xuất hiện với những lọn tóc gút quấn hơn nhiều thay thế chỗ tôi bên ông cụ già, và ông cười cợt bảo với tôi rằng những đứa thật bé và tóc thật quấn luôn luôn giành được ưu tiên.

Ở được ba tuần, người ta đưa anh em tôi đến trường Hân-Huên (Hanwell) dành cho những trẻ mồ côi và những đứa trẻ lạc loài, cách xa thành phố Luân Đôn khoảng hai mươi cây số. Tất cả được nhốt trong chiếc xe bò chở bột, và đó là cuộc du ngoạn dễ chịu lạ thường vì cánh đồng quê bao bọc Hân-Huên thời ấy thật là xinh đẹp với những khóm cây xanh tươi, những đồng lúa mì chờ gặt, những vườn cây trái trĩu quả trên cành. Tới nơi, chúng tôi ngồi trong phòng chờ và được khám nghiệm sức khỏe trước khi cho vào nhập học. Lý do là vì trong số ba bốn trăm đứa trẻ con nếu có một đứa bé nào bệnh tật hay là căn cỗi sẽ gây ảnh hưởng bất lợi cho những trẻ khác, đồng thời tự nó cũng không tránh khỏi những nỗi nặng nề khổ tâm giữa một cảnh ngộ như thế.

Những ngày đầu tiên tôi thấy lạc loài khốn khổ vì sống trong Viện Tế Bần tôi vẫn luôn có cảm tưởng gần gũi mẹ mình, điều đó làm tôi an lòng. Nhưng ở Hân-Huên thì chúng tôi như xa cách quá nhiều. Anh tôi và tôi đều được nhà trường thu nhận, và bước vào học chúng tôi đã bị cách ngăn, vì anh tôi theo lớp lớn còn tôi ở lại lớp nhỏ. Chúng tôi cũng phải ngủ trong những khu vực khác và họa hoằn lắm mới được gặp nhau. Ngày ấy mới trên sáu tuổi, và phải hoàn toàn cô độc tôi thực khốn khổ không biết chừng nào. Những chiều mùa hạ, đặc biệt vào những chiều oi bức này, vào giờ cầu nguyện trước khi đi ngủ, lúc quì gối với độ hai mươi đứa bé khác giữa phòng nhìn qua những khung cửa sổ nghiêng dài, bầu trời hoàng hôn dần dần tối lại và những đồi xa uốn lượn mờ mờ, tôi cảm thấy mình hoàn toàn xa lạ với cảnh vật đó.

Nhưng mà ngạc nhiên thú vị biết bao, sau đó hai tháng mẹ tôi đã tìm cách xin cho anh em tôi được gặp lại người. Nhà trường đưa bọn tôi đến Luân Đôn rồi đến lại Viện dưỡng lão. Mẹ tôi đứng ở nơi cửa

chờ đợi chúng tôi, vẫn mặc những bộ quần áo ngày xưa của bà. Bà đã đòi hỏi để cho người ta cho chúng tôi ra chỉ vì bà muốn gặp gỡ con cái trong ngày và bà định rằng sau vài giờ sống cùng nhau ở ngoài, sẽ về nội ngày hôm đó. Mẹ tôi ở Viện Tế Bần, và chỉ có mỗi cách ấy mới mong được gặp chúng tôi.

Trước khi bước vào trong Viện, người ta lấy hết quần áo chúng tôi để bỏ vào nồi chưng hấp và trả lại cho chúng tôi không ủi chút nào. Mẹ tôi, anh Sít-nê và tôi đều có một vết nhàu nát thảm hại khi bước qua ngưỡng cửa Viện. Lúc ấy, hãy còn sáng sớm và chúng tôi không biết phải đi đâu, cuối cùng đến một công viên gần đó cách xa một cây số rưỡi. Anh Sít-nê có chín xu gói kín trong một chiếc khăn, chúng tôi mua nửa cân mận và suốt buổi mai ngồi trên chiếc ghế công viên gặm nhấm mấy trái cây đó rồi anh tôi lấy một tờ giấy báo quấn thành cục tròn, tìm một ít dây ràng cột chung quanh để làm quả bóng và ba mẹ con chúng tôi cùng đùa với quả bóng ấy được một hồi lâu. Tới trưa chúng tôi kéo vào trong một tiệm nước và đem mấy xu còn lại mua một bánh ngọt, một khúc cá mòi, hai tách cà phê rồi chia nhau dùng qua bữa. Sau đó chúng tôi quay lại công viên và anh em tôi nô đùa với nhau trong khi mẹ tôi đan áo.

Xế trưa, chúng tôi về Viện tế Bần. Vừa đi mẹ tôi vừa nói bằng một giọng nhẹ nhàng : “Mình về vừa đúng giờ buổi trà chiều”. Ban quản trị Viện tỏ ý bất bình vì chuyến đi ra của mẹ con tôi buộc họ phải chưng hấp lại quần áo cho chúng tôi lần nữa, và anh Sít-nê với tôi còn phải lưu lại nơi đây trước khi trở về Hân-Huên, điều này cố nhiên giúp cho chúng tôi được dịp gặp lại mẹ mình thường xuyên.

Nhưng sau ngày ấy, anh em tôi phải ở lại Hân-Huên gần một năm trường, một năm xây dựng cho tôi khá nhiều, tôi bắt đầu học và được người ta dạy cho viết cái tên tôi là Sa-Pờ-Lanh (Chaplin), cái tên đã quyến rũ tôi và tôi cảm thấy nó giống mình lắm. Trường học Hân-Huên được ngăn làm hai, một khu vực cho trẻ nam, một cho trẻ nữ. Vào chiều thứ bảy phòng tắm được dành cho những trẻ nhỏ và công việc trông coi tắm rửa được giao cho những cô gái lớn hơn. Tôi chưa lên bảy và vào những dịp tắm rửa như thế tôi thấy mắc cỡ lạ lùng. Để cho cô gái vào trạc mười bốn tuổi đầu chà xát trên cái

thân thể trần truồng của mình là nỗi ngượng ngùng đầu tiên mà tôi cảm thấy trong đời.

Lên bảy, tôi rời khu vực trẻ nhỏ để sang khu vực trẻ lớn, nơi đây nhận thời hạn từ bảy tuổi đến mười bốn tuổi. Từ đây tôi sẽ có thể tham dự vào mọi công việc của những cậu học trò lớn. Luyện tập thể dục, thể thao, và cứ mỗi tuần hai lần tham dự các cuộc du ngoạn ở ngoài trường học.

Dù có làm gì chẳng nữa thì cuộc sống ở nơi đây cũng thật cô đơn. Khung cảnh thật buồn, người ta ngửi thấy sự buồn bã ấy trong những đường quê quanh co mà hàng trăm đứa trẻ con như tôi sắp theo hàng hai tiến bước. Tôi thấy ghê sợ những cuộc du ngoạn như thế, ghê sợ những làng mạc mà chúng tôi phải đi qua, nơi đó dân làng nhìn ngắm chúng tôi một cách tò mò. Họ biết chúng tôi là những đứa trẻ ở Viện Mồ côi.

Sân chơi của lớp trẻ lớn rộng độ chín mươi trên năm mươi mét, lát những tảng gạch to lớn. Chung quanh là những tòa nhà bằng gạch có một tầng lầu, trong đó là những văn phòng, những kho chứa đồ, bệnh xá, một phòng chữa răng và một phòng thay quần áo. Trong góc u tối nhất của sân trường có một gian trống từ lâu dùng để nhốt một đứa trẻ khoảng mười bốn tuổi. Đứa bé đã cố vượt thoát khỏi trường bằng cách leo qua cửa sổ tầng lầu, trổ lên mái ngói, bắt chập những viên gạch và những tên pháo bắn lên để đuổi bắt lại. Sự việc này xảy ra khi lớp trẻ chúng tôi đã đi ngủ rồi. Những đứa lớn hơn, qua ngày hôm sau, kể lại cho chúng tôi nghe như một câu chuyện phi thường.

Đối với một tội nặng nề vào loại như thế, luôn luôn mỗi ngày thứ sáu người ta đem ra xử phạt trong nhà thể thao rộng lớn, một phòng khổng lồ dài hai mươi mét, rộng mười hai mét, có trần khá cao với những sợi dây thật dài bắc tới ngọn kèo. Cứ sáng thứ sáu từ hai đến ba trăm học sinh vào khoảng bảy tuổi đến mười bốn tuổi bước vào và đứng thẳng hàng như lính dọc theo ba bức tường phòng. Góc tường thứ tư, ở về phía cuối là nơi đặt một bàn dài lớn gần bằng bàn đặt ở phòng ăn, và ở sau đó là những tội phạm chờ đợi

tuyên xử, trừng phạt. Ở bên tay mặt, trước chiếc bàn ấy, có một giá treo nhiều cuộn dây da và những chiếc roi gân bò dầy đủ loại.

Về những lỗi lầm không được xem như nặng lắm, người ta căng dài đưa bé úp sấp ở trên mặt bàn, đôi chân cột lại, và giao cho một viên đội cầm giữ, trong lúc một viên đội khác cởi ngược thân áo sau lưng đưa trẻ lên đầu. Một viên Đại úy Hải quân hồi hưu cân nặng không dưới một trăm ký lô là chỉ huy trưởng ở đây. Một tay đặt ở sau lưng, một tay cầm chiếc gậy bằng một ngón cái và dài chừng một thước hai, ông ta tiến đến bên cạnh đưa trẻ vừa đo chiều dài chiếc gậy vào cái khoảng rộng bộ mông của kẻ tội đồ. Rồi với một điệu bộ chậm chạp, trịnh trọng một cách phờng tuồng, ông ta giá cao chiếc gậy rồi giáng gục xuống trên mông đứa trẻ. Quang cảnh thật là khủng khiếp và bao giờ trong hàng ngũ học sinh cũng có một đứa ngã xuống bất tỉnh vì phải chứng kiến như thế.

Số lượng tối thiểu của những cú đánh là ba gậy, số lượng tối đa là sáu. Thường kẻ tội phạm nhận đòn quá số ba ấy kêu lên những tiếng khủng khiếp lạ thường. Đôi khi kẻ đó nín lại một cách đáng sợ hoặc đã bất tỉnh rồi. Phải nói là những đòn đánh như thế có một tác dụng uy hiếp thật quá nặng nề, đến nỗi đứa trẻ bị đánh phải được kiêng tới một tám nệm lớn đặt nằm dài lên để nó có thể vận vẹo mình mảy ít nhất trong vòng mười phút đợi cơn đau đốn êm dịu dần đi. Về những trận đòn bằng roi thì lại khác hẳn. Chỉ cần ba roi là kẻ nạn nhân đã được hai viên đội tới dìu lấy đưa vào bệnh xá chữa trị.

Học sinh thường khuyên bảo nhau là hễ gặp ai vu cáo điều gì cũng phải nhắm mắt nhận lấy, dù mình ngây thơ vô tội chừng nào đi nữa, bởi vì nếu người ta đưa ra được bằng chứng buộc tội thì mình nhất định sẽ bị trừng phạt đến mức tối đa. Hơn nữa, nói chung thì bọn chúng tôi cũng không biết cách diễn đạt đầy đủ để tự biện hộ cho sự vô tội của mình. Tôi còn nhớ mãi cái ngày đầu tiên đến dự một cuộc trừng phạt như thế tôi đã đứng lạng người đi, quả tim đập mạnh khi phái đoàn ban quản trị trường tiến vào. Ở sau bàn giấy có gã trẻ con tuyệt vọng đã toan trở nóc vượt khỏi nhà trường. Người ta chỉ thoáng thấy đầu và vai nó qua chiếc bàn vì nó có vẻ bé nhỏ lạ lùng. Mặt nó gầy ốm, xương xẩu, điểm những con mắt thật to.

Sau khi đọc xong những lời cáo trạng một cách trang trọng đặc biệt, ông hiệu trưởng hỏi to lên:

- Có tội hay không có tội?

Kẻ tuyệt vọng kia từ chối trả lời và chỉ nhìn ông hiệu trưởng bằng một cái nhìn thách thức. Liền đó người ta dẫn ngay đứa bé lại cái giá kia, và bởi vì nó quá nhỏ người ta phải kê dưới chân một cái thùng gỗ dùng chứa xà phòng mới cột được tay của nó vào giá. Nó được lãnh đủ ba roi rồi lập tức được đưa vào bệnh xá chữa trị vết thương.

Mỗi bữa thứ năm có tiếng kèn thổi vào lúc giờ chơi khiến cho chúng tôi lập tức bỏ cuộc đứng yên tại chỗ như các pho tượng trong khi viên Đại úy chỉ huy trường dùng máy phóng thanh tuyên bố danh sách những kẻ thứ sáu phải đến trình diện để được xử phạt.

Vào một thứ năm, tôi thật hết sức kinh ngạc khi nghe tuyên đọc tên mình. Tôi không sao tưởng tượng nổi tôi đã làm gì nên tội. Đến ngày xử phạt, vị Hiệu trưởng tuyên bố lớn:

- Trò bị kết tội đốt lửa ở trong phòng tắm.

Quả là không có như vậy. Có vài đứa trẻ đốt mấy mẩu giấy ở trên nền gạch và trong khi đóm lửa ấy còn cháy thì tôi vào phòng tắm rửa nhưng tôi không giữ một vai trò nào trong cái vụ này. Ông ta hỏi tôi:

- Có tội hay không có tội?

Đã quá hốt hoảng và bị thúc đẩy bởi một sức lực vô hình tôi áp úng nói : “Có tội”. Tôi không cảm thấy chút căm thù nào và cũng không cảm thấy đó là nỗi bất công nhưng chỉ có một cảm tưởng vô cùng khiếp sợ trong khi người ta dắt tôi đến chiếc bàn dài để giáng xuống mông ba gậy. Nỗi đau đớn thật dữ dội khiến tôi ngưng thở. Nhưng tôi không kêu lên một tiếng nào và đầu đau đớn đến như tê liệt tôi tự thấy mình can đảm và kiêu hãnh, trong khi họ mang tôi lại tắm nệm để lấy lại sức.

Anh Sít-nê tôi vì phải làm việc ở dưới nhà bếp của trường nên mãi trong ngày anh mới hay được tin đó. Khi anh đi từng bước một cùng

với chúng bạn vào phòng xử phạt anh nhìn thấy chiếc đầu tôi nhô lên sau cái bàn dài và anh lấy làm hoảng hốt. Sau này anh kể lại cho tôi hay rằng khi thấy tôi bị đánh ba gậy anh đã khóc ròng vì nỗi uất hận tràn đầy.

Tôi thường gọi anh bằng tiếng “anh nhỏ của em”, điều đó làm anh tự hào và anh cảm thấy được vững lòng nhiều. Thỉnh thoảng tôi vẫn được gặp lại người anh nhỏ của tôi khi rời khỏi căn phòng ăn. Nhờ anh làm việc bếp núc anh đã lén cho tôi mẫu bánh nhỏ cắt đôi nhét một cục bơ khá lớn vào giữa. Tôi giấu chiếc bánh dưới chiếc áo ấm của mình rồi đem về chia với một thằng bạn. Ở đây không đói khát gì, nhưng cục bơ to ấy quả là món xa xỉ đặc biệt. Những cái món quà dịu ngọt như thế và những săn sóc êm đềm như thế không kéo được dài vì anh Sít-nê rời trường để đến dự học tại trại Thủy Quân Ích-Mao (Exmouth). Vào tuổi mười một những đứa trẻ nhỏ ở viện cô nhi được quyền sung vào quân đội hoặc vào trong ngành thủy binh.

Từ đó tôi còn ở lại một mình nơi trường Hân-Huên.

Tóc là yếu tố cần thiết đối với nhân cách trẻ em. Lần đầu khi bị cắt tóc chúng tôi đã khóc sụt sùi và khi nó mọc trở lại, dù mọc cách nào chẳng nữa, cũng làm người ta có cảm tưởng bị rút bớt một phần của thân thể mình. Hồi đó tại trường Hân-Huên có một có một bệnh dịch về tóc và bởi vì bệnh quá dễ truyền nhiễm nên những trẻ nào cắt tóc đều được đưa tới ở những ngôi nhà biệt lập tại cuối sân trường. Từ những cửa sổ nhìn ra chúng tôi thấy những đứa trẻ đáng thương hại kia ngược nhìn chúng tôi một cách buồn thảm, đầu bị cạo trọc bôi thuốc vàng khè. Quang cảnh ấy thật ghê tởm và chúng tôi thường nhìn chúng với ý đề phòng. Vì thế khi một cô nữ khán hộ thành linh dừng lại ở sau lưng tôi tại nơi phòng ăn ngấm nhìn tóc tôi và tuyên bố lớn : “Bệnh rồi” thì tôi bỗng òa lên khóc nức nở. Cuộc chữa trị phải kéo dài nhiều tuần và đối với tôi thật là dằng dặc như không bao giờ có thể dứt được. Người ta vội cạo đầu tôi, bôi đầy chất thuốc và tôi phải mang chiếc khăn quấn vòng quanh sọ như những công nhân đi nhật bông vải. Nhưng điều mà tôi không muốn là nhìn qua khung cửa sổ, như bao nhiêu đứa trẻ khác cùng nhốt với tôi, vì tôi hiểu rõ những sự gờm nhóm của kẻ bên ngoài... Trong

khoảng thời gian tôi bị an trí vì chứng bệnh này thì mẹ tôi đến thăm tôi. Không hiểu bà làm cách nào mà rời được Viện Tế Bần và cố gắng tạo được cho chúng tôi một nơi trú ngụ. Sự có mặt của mẹ tôi như sự xuất hiện của một đóa hoa. Người có vẻ thật tươi đẹp khiến tôi càng thấy xấu hổ về sự lôi thôi của mình, về cái đầu tóc cạo trọc bôi thuốc vàng khè. Cô nữ khán hộ liền nói:

- Phải nên thông cảm cho nó nếu trông nó dơ dáy thế.

Mẹ tôi bật cười và bà ôm tôi, hôn tôi, siết trong vòng tay âu yếm, rồi nói:

- Dầu con dơ dáy thế nào mẹ vẫn thương con.

Một thời gian sau anh Sít-nê tôi rời trường thủy quân còn tôi từ giả Hân-Huên để về chung sống với mẹ. Mẹ tôi thuê được một chiếc phòng nhỏ ở sau thành phố và trong một khoảng thời gian bà cũng tìm ra phương cách nuôi bọn chúng tôi.

Nhưng không bao lâu chúng tôi lại phải vào Viện Tế Bần. Một phần vì mẹ tôi khó tìm ra công việc làm ăn trong hoàn cảnh đó, một phần vì cha tôi cũng gặp nhiều trở ngại trong nghề nên tiền cấp dưỡng không được thường xuyên. Suốt khoảng thời gian chuyển tiếp khá ngắn ngủi này, chúng tôi đã phải dọn nhà liền tay từ gian phòng này sang gian phòng kia, cuối cùng trở lại cái vòng lẩn quẩn là chui vào Viện Tế Bần.

Vì có sự đổi thay ấy người ta không đưa chúng tôi vào trường học cũ mà lại bắt vào một ngôi trường mới thê thảm hơn Hân-Huên nhiều. Ở đây cây lá um tùm cao lớn, cánh đồng chung quanh bao la và bát ngát hơn nhưng không khí chẳng có gì vui vẻ.

Một hôm giữa lúc anh Sít-nê tôi đang chơi túc cầu, hai cô điều dưỡng tìm đến sân banh bảo anh ngừng cuộc ra ngoài, cho anh biết mẹ chúng tôi đã bị điên rồi và được người ta gởi vào trong dưỡng trí viện gần đấy. Khi anh Sít-nê nghe được tin ấy anh không hề có chút phản ứng nào và quay lại sân chơi tiếp tục giữ vị trí mình cho đến mãn cuộc. Nhưng khi cuộc chơi tan rồi anh lặng lẽ đến thu mình trong một góc sân vắng vẻ và ôm mặt khóc.

Khi anh báo tin cho tôi, tôi không thể nào ngờ được. Tôi không hề khóc nhưng sự tuyệt vọng làm tôi sững sờ. Tại sao mẹ tôi lại đến nông nổi như vậy? Mẹ tôi vui vẻ là thế, linh hoạt là thế, làm sao mà có thể trở thành người điên loạn? Tôi có cảm tưởng lơ mơ rằng bà đã bị mất trí và đã rời bỏ chúng tôi mà đi. Trong nỗi tuyệt vọng tôi tưởng tượng thấy mẹ tôi đang nhìn tôi với một vẻ xúc động khôn tả trước khi bị lôi cuốn mất vào khoảng vô cùng.

Chỉ một tuần sau chúng tôi mới nhận được tin chánh thức về sự kiện ấy. Người ta cũng cho chúng tôi biết rằng theo quyết định của án tòa, từ đây cha tôi phải lãnh nuôi dưỡng chúng tôi. Viễn ảnh sống chung với người cha ấy kích động tôi thật lạ lùng. Trong khoảng đời tôi từ trước tôi chỉ gặp ông có mỗi hai lần, một lần khi ông trình diễn ở trên sân khấu và một lần khác đi ngang qua một ngôi nhà ở trong thành phố thấy ông qua vườn với một thiếu phụ. Tôi đã dừng lại nhìn ông, hiểu theo trực giác rằng đó chính là cha mình. Ông ta làm dấu gọi tôi lại gần và hỏi tên tôi là gì. Tự nhiên ý thức được cái cảnh ngộ có một vẻ gì éo le như trên sân khấu, tôi làm ra vẻ ngây ngô và trả lời rằng : “Tên cháu là Sạc-lơ Sa-pơ-lanh (Charles Chaplin)”. Liền đó ông ném cái nhìn qua người thiếu phụ, đoạn lục lạo trong túi áo, cho tôi nửa đồng tiền vàng. Tôi không còn nấn ná lại phút nào, đi thẳng một mạch về nhà và bảo cho mẹ tôi biết rằng tôi đã gặp cha tôi.

Thế mà bây giờ tôi sắp trở về chung sống với ông. Dù sao đi nữa thì thành phố ấy cũng là một nơi quen thuộc và không xa lạ tới tầm như chốn trường này.

Chương 3

Người ta mang chúng tôi đi trong một chiếc xe chở bánh về cái ngôi nhà ngày xưa, nơi tôi đã thấy cha tôi băng ngang qua vườn dạo nào. Chính người đàn bà đã sống với ông ngày ấy mở cửa ra đón chúng tôi. Dù có vẻ gì mệt mỏi, buồn rầu, bà ta coi cũng xinh đẹp, lớn người và cân đối với đôi môi dày, cặp mắt giống như mắt hươu, ánh nhìn sâu thẳm. Khoảng tuổi của bà có lẽ vào độ ba mươi và tên bà là Lu-i (Louise). Bà bảo chúng tôi ông Sa-pơ-lanh không có ở nhà. Nhưng sau những thứ nghi thức thông thường và ký vào các giấy tờ đủ loại, chúng tôi được giao cho bà Lu-i, rồi được bà đưa vào trong phòng khách. Khi chúng tôi vào, một đứa trẻ nhỏ đang ngồi đùa chơi một mình trên thảm, trạc chừng bốn tuổi và thật xinh đẹp với những mắt lớn u tối, tóc nâu đầy những gút quăn. Đó là con trai của bà Lu-i, đứa em cùng cha khác mẹ với tôi.

Gia đình này sống trong hai căn phòng và dù phòng trước có những cửa sổ khá lớn, ánh sáng cũng lọt vào đó lờ mờ như trong một bể nuôi cá. Mọi vật đều có vẻ buồn như bà Lu-i. Những giấy dán tường đượm một vẻ buồn, bàn ghế đượm một vẻ buồn và con cá măng độn rơm ở trong tủ kính đã nuốt con cá măng khác to ngang cỡ nó để lộ chiếc đầu ra khỏi mõm cũng có vẻ buồn một cách thảm hại.

Trong gian phòng cuối bà Lu-i đặt một chiếc giường nhỏ cho anh em tôi. Anh Sít-nê thấy quá chật đề nghị được ngủ ở trên đi văng phòng khách. Bà Lu-i bảo:

- Ngủ đâu cứ đợi người ta sẽ bảo cho biết.

Sau câu nói ấy có sự yên lặng thật là khó chịu và chúng tôi quay trở lại phòng khách. Ở đây người ta không tiếp chúng tôi một cách niềm nở và điều ấy chẳng có gì đáng phải ngạc nhiên. Chúng tôi đến để báo cô người ta và lại là con của một người vợ đã bị ruồng rẫy. Hai anh em tôi ngồi yên, chẳng ai nói một lời nào, vừa nhìn bà Lu-i dọn bàn cho bữa tối. Bà quay sang bảo anh tôi:

- May giúp chút việc coi xem. Đem cái thùng kia múc đầy than đi.

Rồi quay sang tôi bà bảo:

- Còn mày đến tiệm chạp phô ở gần cửa hiệu Nai Trắng mua một hào thịt bò muối.

Tôi rất sung sướng được tránh khỏi không khí ngột ngạt ấy, bởi tôi bắt đầu sợ hãi và hồi hận đã rời khỏi nhà trường. Lát sau, cha tôi trở về và ông đón tiếp chúng tôi một cách nồng nhiệt. Ông có vẻ gì hấp dẫn và tôi đã bị lôi cuốn một cách đặc biệt. Trong những bữa ăn tôi để tâm nhìn từng mỗi cử điệu của ông, quan sát cách ăn của ông và cách cầm dao cắt thịt như ta cầm cây bút chì. Và trong nhiều năm về sau tôi vẫn bắt chước y hệt như ông.

Khi bà Lu-i bảo với cha tôi là anh Sít-nê phản nản chiếc giường quá hẹp, cha tôi bảo anh ngủ trên đi văng bằng sắt. Sự thắng thế ấy của anh Sít-nê làm bà Lu-i càng thêm oán ghét và bà càng ngày càng tỏ ra thật cay nghiệt đối với anh ấy. Thường xuyên bà cứ phản nản về anh cho cha tôi nghe. Nhưng dù trông bà khó chịu, buồn thảm, bà không bao giờ đánh tôi cũng không hề đe dọa tôi lần nào. Nhưng vì bà không thương anh Sít-nê nên tôi gờm sợ bà lắm. Bà lại uống rượu khá nhiều, điều đó càng làm tôi sợ nhiều hơn. Khi bà say rồi bà có dáng vẻ của người lạc lõng, mất trí. Bà mỉm nụ cười thích thú và nhìn đứa con xinh đẹp của bà rồi vừa chửi nó vừa nói những lời dơ bẩn và tục tĩu nhất. Tôi cũng không hiểu vì sao tôi không hề có sự tiếp xúc nào với đứa bé ấy. Dù là anh em cùng cha khác mẹ, tôi nhớ hình như tôi cũng chưa từng trao đổi với nó một lời nào cả, và tôi hơn nó độ chừng bốn tuổi. Đôi khi bà Lu-i uống rượu say và ngồi yên lặng với một vẻ mặt thật là khó thương, khiến tôi lại sống trong cơn khiếp sợ lạ lùng. Nhưng anh Sít-nê lại chẳng thèm để ý gì đến bà. Thường thường anh trở về nhà rất trễ. Còn tôi, người ta buộc hết học phải về ngay để chạy đây đó mua những thức này thức khác và làm công việc lặt vặt trong nhà.

Bà Lu-i đưa tôi đến học trường thành phố, điều này cũng làm cho tôi thay đổi phần nào, bởi sự hiện diện của nhiều trẻ khác khiến tôi cảm thấy bớt nỗi cô đơn. Vào ngày thứ bảy, chúng tôi chỉ học buổi sáng, nhưng cái ý nghĩ buổi chiều ở nhà lau sàn, chùi dao và cái hình ảnh của bà Lu-i say sưa bí tỉ khiến tôi cảm thấy chẳng thích thú gì trong

cái thời khoảng được nhàn rồi đó. Trong khi tôi lo chùi cho sáng mấy con dao thì bà tiếp một bà bạn, nhậu vào, trở nên khó chịu nhiều hơn, thở than vì phải săn sóc chúng tôi mà bà coi như là một việc làm hết sức bất công. Tôi nhớ có nghe bà nói : “Với cái thằng này (muốn ám chỉ tôi) nghĩ cũng còn được, nhưng cái thằng kia là một đồng rác cần đem gởi vào một nhà trừng giới... Hơn nữa, nó cũng không phải là con của anh Sác-li (Charlie)”. Lối bà nhục mạ anh Sít-nê tôi làm tôi sợ hãi và thật chán nản. Tôi đến nằm dài buồn thảm trên giường, không sao ngủ được. Lúc ấy tôi chưa tám tuổi nhưng đó là chuỗi ngày dài nhất và buồn bã nhất của cuộc đời tôi.

Vào một buổi chiều thứ bảy, trong lúc cảm thấy bất ổn tinh thần như thế, tôi nghe điệu nhạc văng ra từ một căn phòng nào đó xuyên qua cửa sổ của căn phòng cuối, bản nhạc là một hành khúc Ái Nhĩ Lan, kéo dài giữa những tiếng la náo động của những đứa trẻ và những tiếng cười của những đàn bà bán dạo. Bao nhiêu sự sống hầu như thản nhiên trước sự đau khổ của tôi, thế mà tiếng nhạc xa dần tôi lại thêm tiếc không được tiếp tục nghe nữa. Ở một tiệm nước cách đây không xa tôi nghe tiếng nói của những khách hàng vào giờ khép cửa, những kẻ nhậu say hát hò, những câu điệp khúc một thời phổ biến. Khi anh Sít-nê về trễ –thường thường thì anh vẫn đi về trễ – anh đến lòng ráp một lần trong cái tủ đựng đồ ăn trước khi vào ngủ. Điều đó khiến bà Lu-i nổi giận và vào một tối nhậu say bà bước vào phòng lôi hết chăn phủ ở trên giường anh, bảo anh phải cút đi ngay. Nhưng anh Sít-nê chừng như chờ đợi việc xảy ra thế. Lập tức, anh thò tay vào dưới gối rút ra một lưỡi dao nhọn ba khía, đó là cái vận nút chai mà anh đã mài nhọn mũi từ lâu. Anh nói:

- Nào lại gần đi, thử xem tôi có dám đâm cái này vào ngực bà không.

Bà ta lùi lại, hết sức kinh ngạc:

- Thằng quỷ, nó định giết tôi.

Anh Sít-nê nói bằng giọng kiêu cách:

- Đúng vậy, tôi sắp giết bà.

- Đợi ông Sạc-li trở về coi nào.

Nhưng cha tôi ít khi về nhà lắm. Tôi còn nhớ lại một chiều thứ bảy ông và bà vợ đã nhậu say mềm và cũng không hiểu tại sao chúng tôi cùng ngồi với vợ chồng người chủ phố trong cái phòng khách của họ ở nơi tầng dưới. Dưới ánh đèn hơi, cha tôi có vẻ xanh xao một cách thảm hại và đang lúc có những điều buồn bực trong lòng ông cứ làm bầm trong miệng không dứt. Đột nhiên ông thọc tay vào túi áo lôi ra cả một nắm tiền, ném mạnh xuống đất, những đồng tiền vàng tiền bạc chạy loạn khắp nơi. Tác động của sự việc ấy thật là lạ lùng. Chẳng ai có một cử chỉ nào cả. Vợ người chủ phố ngồi yên với một vẻ mặt khó thương nhưng tôi bắt gặp mắt nhìn soi bói của bà dõi theo một đồng tiền vàng ngoằn ngoèo chạy vào dưới chiếc ghế bành đặt tại góc phòng. Mắt tôi cũng theo dõi nó như thế. Thấy mọi người cứ như chết sững cả, tôi tự bảo mình tốt hơn là nên tìm lượm số tiền bị vung vãi đó. Bà chủ phố và những người khác bắt chước tôi nhưng cũng không dám hành động một cách ngang nhiên dưới cặp mắt nhìn đe dọa của cha tôi.

Vào một thứ bảy, sau giờ tan học, tôi trở về nhà không thấy ai hết. Theo như thường lệ thì anh Sít-nê suốt ngày đi đá bóng tròn và bà chủ phố bảo cho tôi biết rằng bà Lu-i dẫn con đi đâu từ lúc sáng sớm. Phản ứng đầu tiên của tôi là thấy nhẹ nhàng vì như thế là tôi khỏi lau nhà và khỏi chùi dao. Tôi đợi khá lâu để được ăn trưa nhưng rồi tôi phải ngạc nhiên tự hỏi phải chăng thiên hạ đã bỏ rơi mình. Rồi càng về chiều cũng vẫn không thấy ai cả. Chuyện gì đã xảy ra đây? Gian phòng có một vẻ gì đáng sợ và sự trống rỗng của nó làm tôi khiếp hãi. Tôi đã bắt đầu thấy đói cồn cào. Nhìn trong tủ đựng đồ ăn, không còn chút gì. Khó lòng chịu đựng lâu hơn cảnh tượng của những chiếc cửa mở rộng trong cảnh vắng không, và quá sầu não tôi ra khỏi nhà lang thang suốt cả buổi chiều nhìn ngắm người ta bày bán trong các chợ búa gần đấy. Rồi tôi lang thang trong các đường phố có nhiều cửa hàng, ném những tia nhìn thèm khát vào trong tủ kính của những gian hàng thực phẩm, trong đấy những thịt heo quay, bò nướng, những củ khoai màu vàng óng tẩm trong nước “xốt” hấp dẫn lạ thường. Tôi bỏ nhiều giờ coi mấy người bán thuốc dạo rao hàng, quang cảnh khá nhộn nhịp ấy giúp tôi quên

được phần nào cơn đói đang giày vò mình và cái thảm cảnh hiện tại của tôi.

Khi tôi về nhà thì trời đã tối. Tôi gõ vào cửa nhưng không nghe ai trả lời. Người ta đi hết cả rồi. Quá đói khôn khổ tôi đến một góc phố vắng cách đây không xa ngồi xuống vệ đường, nhìn xem thử có ai trở về không. Tôi thật mệt nhọc và khổ sở, tự hỏi anh Sít-nê tôi bây giờ ở đâu. Gần khuya, đường phố vắng người, chỉ có lang thang vài kẻ bộ hành về trễ trong đêm. Tất cả ánh đèn trong các cửa tiệm dần dần tắt hẳn, trừ các ánh sáng nơi nhà bảo chế và những tiệm nước. Tôi thấy tuyệt vọng hoàn toàn.

Thình lình tôi nghe tiếng nhạc vang lên. Khúc nhạc say sưa không biết chừng nào từ quán Nai Trắng vắng lại lan truyền âm thanh vui nhộn trên cả khu vực vắng vẻ. Đó là bài hát “Cây kim ngân hoa và con ong” do một tay nhạc tài tình điều khiển trên dương cầm nhỏ, đệm theo giọng kèn. Từ xưa đến giờ tôi chưa từng để ý đến nhạc khúc êm đềm nào cả nhưng bản nhạc này sao mà du dương thơ mộng đến thế, vui vẻ và đầy nhiệt tình, ấm áp vỗ về khiến tôi quên được nỗi niềm tuyệt vọng và tôi băng ngang qua đường tìm đến nơi có tiếng nhạc vang ra. Tôi thấy người chơi dương cầm mù lòa, giương những hổ mắt trống rỗng và một người khác có một vẻ mặt đần độn, chán chường, sử dụng cây kèn.

Bản nhạc kết thúc mau quá và sau khi các nhạc công đi rồi đêm tối lại càng buồn thảm chừng nào. Mệt nhọc, chân tay mỏi rờn, tôi lội ngược về đến nhà, không tự hỏi rằng bây giờ đã có ai chưa. Tôi chỉ muốn mỗi một điều là được đi nằm. Nhưng trong lúc ấy tôi thấy mờ hình bóng một người đang băng qua vườn vào nhà. Đó là bà Lu-i với đứa con nhỏ chạy trước. Tôi rất kinh ngạc thấy bà bước đi khập khiễng và bà nghiêng hẳn một bên. Ban đầu tôi đoán bà đã bị thương nơi chân trong một tai nạn nào đó, nhưng rồi tôi mới nhận rõ là bà nhậu say bí tỉ. Từ trước tôi chưa bao giờ nhìn thấy những người say sưa đi đứng xiêu vẹo như thế. Tôi nghĩ giữa cái tình trạng bà ta như thế tốt hơn mình đừng nên chường mặt ra và hãy cứ đợi bà ta vào nhà xem sao. Lát sau, bà chủ phố đi tới và tôi đi vào với bà. Trong khi tôi rón rén bước lên cái cầu thang không có ánh đèn,

hy vọng có thể đi ngủ mà không ai chú ý đến thì bà Lu-i từ đâu hiện ra lảo đảo ở trên bậc thang. Bà nói:

- Mà vào đây để làm gì? Ở đây đâu phải nhà mày.

Tôi đứng lặng câm, không biết nói gì. Bà tiếp:

- Mày không được ngủ đây nữa, tối nay. Tao chán bọn mày quá rồi. Cút đi. Cả mày và cả thằng anh mày nữa. Để cha bọn mày lo lắng cho bọn mày đó.

Không lưỡng lự một phút, tôi quay người lại bước xuống cầu thang, ra ngoài. Tôi không còn mệt nhọc nữa, tôi như lấy lại sức lực. Tôi đã từng nghe cha tôi là người khách hàng của một quán rượu cách đó non một cây số và tôi tiến về hướng đó hi vọng tìm gặp ông. Nhưng tôi đã thấy bóng ông tiến lại, nổi bật dưới ánh đèn đường. Vừa khóc thút thít, tôi nói:

- Bà ấy không cho con vào, chắc bà đã uống nhiều rượu.

Chúng tôi lại đi về nhà và tôi nhận thấy bước chân cha tôi cũng đi lảo đảo. Ông mở cửa phòng khách bước vào, đứng đấy yên lặng với vẻ đe dọa và nhìn vào bà Lu-i. Bà ta cũng đứng bấu tay vào thành lò sưởi, loạng choạng ở trên đôi chân. Ông hỏi:

- Tại sao không cho chúng vào?

Bà ta nhìn ông với vẻ sợ hãi rồi hạ giọng nói:

- Anh nữa, anh muốn đi chơi nơi nào thì cứ việc đi.

Thình lình cha tôi với tay cầm lấy cái bàn chải áo khá nặng để trên tủ nhỏ gần đấy ném mạnh vào bà. Bàn chải đập thẳng vào má của bà. Đôi mắt của bà nhắm lại rồi bà té nằm bất tỉnh dưới đất như bà tiếp nhận với niềm an ủi sự rơi vào trong quên lãng.

Hành động cha tôi khiến tôi bối rối. Một sự thô bạo như thế khiến tôi mất hết tấm lòng tôn kính đối với ông ta. Sau đó, những gì xảy ra, kỷ niệm của tôi thật là mơ hồ. Hình như lát sau khi anh Sít-nê trở về, cha tôi bảo hai chúng tôi đi ngủ rồi ông ra đi trở lại.

Tôi được biết chuyện cha tôi và bà Lu-i có điều cãi cọ với nhau vào sáng hôm ấy vì ông để bà ở nhà cả ngày và đến nơi người anh ruột, chủ nhân của nhiều tiệm nước trong khu phố ấy. Ông có rủ bà cùng đi nhưng cảnh ngộ bà khó xử nên bà từ chối, do đó cha tôi đã đi một mình, và để báo thù trở lại, bà cũng bỏ đi nơi khác.

Bà Lu-i yêu cha tôi. Dù tôi còn quá bé nhỏ nhưng tôi cũng cảm nhận được điều đó khi thấy đôi mắt của bà buổi chiều mà bà đứng trước lò sưởi sững sờ vì bị xúc phạm bởi cái thái độ của ông vừa qua. Tôi cũng chắc rằng cha tôi cũng yêu bà ấy. Tôi được thấy những sự kiện chứng minh điều đó. Ông cũng thường tỏ ra dịu dàng, tình tứ với bà, và mỗi buổi tối đi đến hí trường ông vẫn chào bà cẩn thận với những tiếng nói ngọt ngào. Sáng chủ nhật nào không nhậu rượu, ông dùng điểm tâm với chúng tôi, vừa kể lại cho bà nghe những màn diễn xuất của các nghệ sĩ bạn hữu và chúng tôi nghe ông nói một cách say mê. Tôi ngồi quan sát ông như con thú săn rình mồi, thâm nhập từng mỗi cử điệu của ông. Một hôm gặp lúc vui vẻ ông lấy chiếc khăn quàng vào trên đầu và chạy đuổi bắt đứa bé chung quanh chiếc bàn vừa nói : “Ta là vua xứ Thổ Nhĩ Kỳ đây”.

Vào tám giờ tối, trước khi đi đến hí trường ông thường ăn sáu trứng sống đánh trong rượu vang. Ít khi ông dùng những thức ăn khác nặng hơn. Cứ thế mà ông chịu đựng qua ngày. Ông cũng ít khi về nhà và nếu cần phải trở về là để cho tiêu số rượu mà ông đã uống ở các quán.

Một hôm bà Lu-i phải đón tiếp đại diện của Hội Bảo vệ trẻ em chống lại những sự ngược đãi. Điều này làm bà tức giận hết sức. Mấy người này sờ dẫm đến vì Cảnh sát đã báo cáo tìm thấy chúng tôi nằm ngủ lúc ba giờ sáng ở bên vệ đường. Đó chính là đêm mà bà Lu-i đóng cửa không cho chúng tôi vào nhà. Cảnh sát đã bắt buộc bà mở cửa để chúng tôi vào.

Sau đó ít lâu, trong lúc cha tôi đi trình diễn ở các tỉnh, bà Lu-i nhận được một lá thư báo tin mẹ tôi đã ra khỏi nhà thương điên. Vài ngày sau, bà chủ phố vào cho biết dưới nhà có người đàn bà muốn gặp Sít-nê và Sạc-lơ. Bà Lu-i nói:

- Mẹ chúng mày đó.

Có một phút giây bối rối, rồi anh Sít-nê vọt xuống cầu thang để nhào trong tay mẹ tôi, còn tôi thì quấn trên đôi gót chân của bà. Chúng tôi đã tìm gặp lại người mẹ ngày xưa, người mẹ dịu hiền, tươi vui đang ôm chúng tôi siết chặt vào lòng.

Bà Lu-i và mẹ tôi cảm thấy lúng túng trong chuyện gặp gỡ nên mẹ tôi bước ra ngoài chờ đợi, trong lúc hai anh em tôi gom nhặt đồ đạc của mình. Chẳng có chút gì thù hận bất bình ở giữa hai bên, vì bà Lu-i tỏ ra hết sức ngọt ngào và cả khi bà nói lên lời chào tạm biệt với anh Sít-nê bà cũng dịu dàng, thân thiện.

Chương 4

Mẹ tôi thuê được gian phòng trong một ngõ hẻm sau hăng sản xuất dưa muối và tương hạt cải. Cứ mỗi buổi chiều, mùi chua của dấm tràn đầy không khí. Nhưng tiền thuê nhà khá rẻ và bây giờ chúng tôi được đoàn tụ cùng nhau. Sức khỏe mẹ tôi khá tốt và không bao giờ chúng tôi nghĩ rằng bà đã từng bị ốm đau trầm trọng.

Tôi không còn nhớ được nhiều đời sống chúng tôi trong thời khoảng ấy. Chừng như hồi đó cũng không có gì quá đổi khó khăn và cũng không có những vấn đề gì nan giải. Số tiền cấp dưỡng mười đồng hàng tuần lẽ về phần cha tôi trở lại tương đối đều đặn và dĩ nhiên là mẹ tôi bắt đầu trở lại công việc thuê đan của bà.

Dầu sao ở thời kỳ ấy tôi còn giữ được kỷ niệm về một sự kiện như sau : đầu đường mà chúng tôi ở có một lò mổ, người ta thường dắt cừu đi ngang trước nhà của chúng tôi để đưa đến nơi xẻ thịt. Có lần một con trong đám cừu thoát chạy, luồn trong hè phố làm lũ trẻ con ã cả lên. Đứa thì cố đuổi bắt nó, đứa thì trượt chân ngã té. Nhìn theo con thú vừa nhảy vừa kêu lồng lộn tôi buồn cười quá, vì sự việc ấy có một vẻ gì hài hước. Nhưng khi người ta bắt được nó rồi vội lôi nó về nhà mổ, thực tế của bi kịch ấy làm tôi đau lòng nên tôi chạy vào trong phòng vừa khóc vừa kêu với mẹ : “Họ sắp giết nó mẹ ơi! Họ sắp giết nó rồi mà!”. Nhiều ngày về sau tôi vẫn còn nhớ lại cuộc săn đuổi trong buổi xế chiều mùa xuân dạo ấy. Tôi cũng tự hỏi sự kiện đã xảy ra ấy có hàm chứa những mầm mống cho các cuốn phim mà tôi thực hiện về sau, là sự hỗn hợp của buồn và vui như thường xảy ra trên đời này.

Bây giờ trường học mở thêm cho tôi những chân trời mới : tôi được học sử, học thơ và học khoa học. Nhiều môn học này tôi thấy tầm thường và chán nản quá, nhất là về môn toán học : môn toán cộng trừ khiến tôi hình dung một gã nhân viên ngồi sau cái quầy thu tiền mà theo tôi nghĩ chỉ có nhiệm vụ duy nhất là để ngăn ngừa khách hàng đánh cắp khi thối bạc lại. Sử ký chỉ chứa những chuyện hung tàn bạo ngược, những chuyện đoạt ngôi, giết chúa, và những ông

vua giết vợ, giết anh, giết em, giết những con cháu của mình. Còn về địa lý thì toàn là những bản đồ. Và về thi ca thì không có gì khác hơn là lối tập luyện thể thao cho cái trí nhớ. Nền giáo dục nhồi nhét cho tôi những mớ tri thức và những sự kiện chỉ làm cho tôi chán ghét mà thôi. Nếu có một kẻ nào đó chịu khó ít nhiều đọc cho tôi nghe về mỗi môn học một lời khích lệ có thể kích động được trí não tôi, cho tôi tiếp thu những gì vui vẻ hơn là sự kiện khô khan, giúp tôi giải trí và tò mò hơn bằng cách xoay đổi con số, hoặc cho tôi học trên những bản đồ ít nhiều thi vị, nếu người ta giúp tôi có cách nhìn mới lạ hơn về sử ký, nếu người ta dạy cho tôi âm nhạc ở trong thi ca thì tôi có thể hy vọng trở nên một người thông thái.

Từ khi mẹ tôi trở về sống với chúng tôi bà lại khởi sự khích động nơi tôi khiếu thích đối với sân khấu. Luôn luôn bà cho tôi biết rằng tôi không thiếu tài năng. Nhưng mãi đến cái tuần lễ trước ngày Giáng sinh, khi nhà trường cho trình diễn “Cô Bé Lọ Lem” tôi mới cảm thấy muốn được phô bày những gì mẹ tôi đã dạy cho tôi. Không hiểu vì lý do nào tôi không được dự vào việc phân vai và trong thâm tâm tôi rất muốn thế vì tự nghĩ rằng mình giữ một vai trong vở tuồng đó nhất định hay hơn những kẻ đã được chỉ định. Vai nam trong tuồng thật là buồn rầu, khô khan. Vai nữ đã không có chút nhiệt tình lại thiếu năng khiếu hài hước. Các câu đối đáp theo lối học bài ở trường, đôi lúc nhấn mạnh các đoạn bằng một giọng điệu giả tạo hết sức khó nghe. Nếu được thủ vai một trong những người chị xấu xa của cô Lọ Lem, với những lớp tuồng mẹ tôi vẫn thường truyền dạy cho tôi thì tôi thích thú biết là chừng nào. Tuy vậy, cô bé thủ vai Cô Bé Lọ Lem đã thu hút tôi. Cô ta vừa đẹp, vừa thanh, trạc mười bốn tuổi và tôi thấy yêu cô ta lạ lùng. Nhưng cô ta thật xa tầm tay với của tôi nhiều quá, kể trên bình diện xã hội cũng như cách biệt tuổi tác.

Khi tôi dự cuộc trình diễn tôi thấy vở tuồng thật là thảm hại, cố nhiên không kể về đẹp của cô đào chính đã khiến cho tôi buồn bã phần nào. Nhưng hai tháng sau, khi người ta cho tôi đi các lớp để trình diễn bài “Con Mèo của Cô Pri-Xi-La (Priscilla)” thì tôi gặt được thành công hết sức vẻ vang. Bài đó là một độc tấu mẹ tôi thấy đem bày bán trong một tiệm sách và thấy nó quá ngộ nghĩnh bà đã nhìn xuyên qua kính mà chép đem về để dạy cho tôi. Trong một giờ chơi

tôi đọc cho một thằng bạn tôi nghe. Ông Rét, giáo sư của tôi, đang ngồi làm việc bỗng ngẩng đầu lên và ông cảm thấy thích thú nên lúc mọi người trở lại chỗ ngồi ông bảo tôi trình diễn lại làm sao cho cả lớp vui vẻ cười vang. Sau lần đó danh tiếng tôi vang dậy và qua ngày sau người ta đưa tôi đi từ lớp này sang những lớp khác, ở những phòng học con trai cũng như con gái để mà trình diễn bài đọc tấu ấy. Kể ra tôi cũng đã từng bước lên sân khấu thủ một vai trò thay thế mẹ tôi trước một khán giả đông đảo khi tôi chỉ mới lên năm nhưng đây mới là lần đầu tiên tôi nếm được sự vinh quang của mình. Nhờ vậy trường học trở thành một nơi hấp dẫn hơn nhiều. Và từ một đứa trẻ nhỏ khuất lấp, cả thẹn, tôi thành một trung tâm điểm gọi sự chú ý của các thầy dạy cũng như bạn học. Tinh thần học tập của tôi nhờ vậy mà cũng mở mang thêm lên. Nhưng sự học tôi phải đành bỏ dở khi tôi nhập vào đoàn vũ “Tám Đứa Trẻ Con” ở Lân-Cát-Sia (Lancashire).

Cha tôi quen ông Giác Sơn, bầu gánh đoàn vũ, nên khuyên mẹ tôi cho tôi gia nhập đoàn ấy để bước vào nghề sân khấu cho quen vừa kiếm được tiền giúp đỡ gia đình : tôi được ăn ở và mỗi tuần lễ mẹ tôi lãnh được nửa đồng cua-ron (couronne). Ban đầu nghe khuyên như thế mẹ tôi có vẻ dè dặt nhưng đến ngày làm quen được ông bầu và gia đình ông, bà mới bằng lòng.

Ông bầu Giác-Sơn (Jackson) ở vào trạc tuổi năm lăm. Vốn là thầy giáo trong vùng. Ông có ba trai một gái cũng đều gia nhập ban vũ. Ông là người Thiên Chúa Giáo ngoan đạo và sau khi vợ qua đời ông đã tham khảo ý kiến bầy con trước khi tục huyền. Bà vợ thứ hai này lớn hơn ông ít tuổi và ông kể lại cho chúng tôi nghe một cách thành khẩn trang nghiêm ông đã cưới bà trong trường hợp nào. Sau khi quyết định tục huyền ông đã cho đăng lời rao tìm vợ trên một nhật báo và nhận được hơn ba trăm lá thư. Sau khi cầu trời hướng dẫn cho ông trong cuộc tìm kiếm khá quan trọng ấy, ông chỉ mở ra một lá mà thôi và đó là thư bà vợ hiện giờ. Bà cũng là cô giáo làng và như đáp đúng lại lời cầu nguyện của ông, bà cũng là người Thiên Chúa.

Tạo hóa đã không ban phát cho bà Giác-Sơn đặc ân có được hình thể hấp dẫn mà bà cũng chẳng có một chút gì gọi cảm. Tôi còn nhớ lại khuôn mặt xanh xao gầy gò của bà với lớp da nhăn, có lẽ vì bà đã phải sinh con vào lúc tuổi tác khá cao. Nhưng bà là một người vợ thủy chung và khá tận tâm. Dù vẫn con phải cho con bú mớm bà đã cố gắng rất nhiều để giúp đỡ ông điều khiển đoàn vũ. Câu chuyện bà gặp gỡ ông được bà kể lại với những chi tiết khác hẳn. Theo bà thì họ cũng đã trao đổi thư từ với nhau nhiều ngày nhưng chưa hề thấy mặt nhau lần nào. Mãi gần ngày cưới, khi cùng hội kiến ở trong phòng khách giữa lúc gia đình của bà chờ đợi ở gian kế cận thì ông Giác Sơn chỉ nói với bà một câu : “Cô là tất cả những gì mà tôi chờ đợi”. Và bà cũng nói với ông tương tự như thế. Để kết luận lại, bà bảo với chúng tôi bằng một giọng nói có vẻ khó chịu : “Nhưng mà tôi chẳng chờ đợi làm mẹ đến tám đứa trẻ thế này”.

Sau sáu tuần lễ học tập, người ta bảo tôi có thể ra nhảy trình diễn được rồi. Bây giờ tôi hơn tám tuổi, tôi đã mất hẳn tự tin và ra công chúng lần đầu tôi thật sợ hãi. Tôi nhắc chân lên một cách khó khăn lạ thường. Trình diễn một mình như những đứa khác còn đòi hỏi phải học thêm nhiều tuần lễ nữa.

Tôi cũng chẳng thích thú gì được làm vũ công trong đoàn tám người. Cũng như mấy đứa trẻ khác, tôi muốn có màn diễn xuất riêng biệt cho mình. Như vậy, không chỉ mình hưởng được nhiều tiền hơn nhưng còn vì tôi cảm thấy điều đó thích thú hơn là chuyện vũ. Tôi vẫn muốn thành kịch sĩ nhưng phải có gan diễn xuất một mình. Tuy thế, tám lòng ưa thích làm một cái gì hơn là việc nhảy đây tôi tìm tới yếu tố hài hước. Tôi mơ trình diễn một màn có hai nhân vật, hai đứa trẻ mặc theo lối lang thang trong các hài kịch. Tôi bàn với một đứa khác và cùng quyết định hợp tác với nhau. Chúng tôi sẽ tự xưng là “Những Tên Triệu Phú Lang Thang”, sẽ mang thêm râu trên mép và những kim cương to bụi trên ngón tay mình. Chúng tôi cho rằng như thế là có đủ vẻ ngạo nghễ và kiếm ăn được, nhưng mà than ôi, giấc mơ ấy không bao giờ có thể thực hiện.

Khán giả rất thích đoàn vũ vì theo lời ông bầu gánh thì chúng tôi chẳng giống một chút nào với những trẻ con hoang đường. Ông

thường hãnh diện tuyên bố là bọn trẻ của đoàn ông không hề hóa trang bao giờ và vẻ hồng hào trên đôi má chúng là nét tự nhiên. Nếu có đứa nào ở trong chúng tôi có vẻ xanh xao trước khi bước vào sân khấu, ông bắt buộc nó lấy tay bẹo má cho được hồng ra. Hồi đến Luân Đôn sau khi trình diễn hai ba rạp tiếp trong đêm chúng tôi đã quên điều đó mãi cho đến lúc ông bầu ở ngoài hành lang nhìn vào mở rộng miệng cười và đưa tay chỉ lên má khiến chúng tôi sực nhớ lại cổ đeo cái vẻ mặt nhọc buồn thảm của mình và nở những nụ cười tươi.

Khi chúng tôi đi lưu diễn các tỉnh, ban ngày chúng tôi vẫn đến học ở các trường những nơi chúng tôi đi qua và điều này chỉ bổ sung thêm kiến thức của tôi một cách chậm chạp.

Vào dịp Giáng Sinh chúng tôi được đưa tới một sân khấu lớn ở Luân Đôn trình diễn một màn kịch câm trong vở “Cô Bé Lộ Lem”. Tôi được đóng chung với Mác-Xơ-Lanh (Marcelin), một vai hề rất nổi tiếng của sân khấu và vở kịch thật gặt được kết quả hết sức khả quan. Mặc dù Mác-Xơ-Lanh không thủ vai gì quan trọng nhưng ông ta là cái đinh thu hút mọi sự chú ý. Những năm về sau, Mác-Xơ-Lanh sang Nữu Ước, tại đây ông rất thành công. Nhưng đến khi các rạp hát loại những màn xiếc kiểu đó thì công chúng quên ông ngay. Vào năm 1918 khi tôi ở Lốt Ăng-Jơ-Lết (Los Angelès), dự một buổi xiếc và biết có Mác-Xơ-Lanh trong đoàn, tôi chờ đợi xem tên ông được quảng cáo lớn nhưng thật buồn lòng khi biết ông chỉ là một vai hề trong số đông đảo các vai hề khác của gánh hát đó, một gánh hát thật tầm thường. Sau khi vẫn hát tôi có tìm đến phòng ông và tự giới thiệu, nhắc lại ngày xưa tôi đã thủ vai với ông trong màn kịch câm ở tại Luân Đôn, nhưng ông tỏ ra chẳng sốt sắng gì. Dưới lớp hóa trang của một vai hề ông vẫn có vẻ thảm hại, chìm đắm trong nỗi buồn phiền. Cách một năm sau tôi nghe tin ông tự tử ở tại Nữu Ước. Người ta chỉ đọc thấy trên mặt báo vài hàng ghi rằng một người thuê nhà cùng chỗ với ông nghe một phát súng và đến nơi thấy ông nằm trên đất, khẩu súng nơi tay, đĩa hát vẫn còn quay bản “Trắng Sáng Và Hoa Hồng”.

Khá nhiều kịch sĩ nổi danh người Anh đã phải tự tử. Đên-Vin (Denville), một tay diễn viên hài kịch thượng hạng, ngày kia bước vào tiệm rượu nghe người nào đó nhận xét về ông : “Thằng cha đó hết thời rồi”. Chỉ vài giờ sau, ông đã bắn một phát súng vào đầu ở bên bờ sông Ta-mi. Xê-Ri-Đăng (Sheridan), một trong những diễn viên gạo cội của sân khấu Anh cũng đã tự tử như thế trong công viên Gờ-Lát-Gô (Glasgow) vì đến trình diễn ở đây không gặt hái được thành công như ý. Phờ-Răng Côn (Frank Coyne) mà tôi đã từng hợp tác trong sự trình diễn là một kịch sĩ vui vẻ, hăng hái rất được nổi tiếng. Ông rất dễ thương, bao giờ cũng thấy tươi cười. Nhưng một buổi chiều khi sắp dạo chơi với vợ trên chiếc xe ngựa ông ta bảo đã bỏ quên vật gì phải quay vào nhà. Hai mươi phút sau, người vợ chờ đợi quá lâu trở lại tìm ông thì thấy ông đã nằm chết ở trong phòng tắm giữa một vũng máu, trên tay còn lưỡi dao cạo : ông đã cắt cổ, gần như cắt luôn đầu mình.

Khá nhiều nghệ sĩ mà tôi được xem khi còn nhỏ bé, nhưng người đã gây ấn tượng sâu đậm nơi tôi, không phải luôn luôn là hạng thành công nhưng thường là những người có nhân cách lạ lùng. Dát-Mô (Jarmo), người trình diễn trò xảo thuật lăn cây thường tự buộc mình theo một kỷ luật hết sức chặt chẽ, và buổi sáng nào ông cũng ép mình luyện tập trong nhiều giờ liền. Dù sống một cách đạm bạc, cuộc đời tám đứa trẻ trong đoàn vũ thật dễ chịu. Thỉnh thoảng chúng tôi vẫn có gây gỗ cùng nhau nhưng điều đó chẳng có gì đáng kể. Ông Giác Sơn vốn là người nhân hậu. Trước khi tôi rời khỏi đoàn độ chừng ba tháng, chúng tôi có đến tham dự một buổi trình diễn kiếm tiền giúp đỡ cha tôi lúc đó đau nặng. Rất nhiều nghệ sĩ tham dự và không nhận tiền thù lao, kể cả tám đứa trong đoàn của tôi. Tối đó, cha tôi xuất hiện ở trên sân khấu, thở rất nặng nhọc và rán hết sức để nói vài lời cảm tạ. Tôi đứng ở bên sân khấu nhìn ông và không ngờ rằng ông sắp lìa đời.

Khi ở Luân Đôn, cứ mỗi cuối tuần tôi trở về thăm mẹ tôi. Bà nhận thấy rằng tôi xanh xao quá, gầy rạc hẳn đi và công việc vũ rất làm hại phổi. Vì quá lo lắng, bà viết thư gởi cho ông Giác Sơn nói về chuyện đó khiến ông nổi giận trả tôi về nhà, bảo rằng tôi chẳng đáng gì mà phải gây nên lắm điều lo nghĩ cho một bà mẹ quá ưu tư vậy.

Chỉ vài tuần sau quả nhiên tôi bị bệnh suyễn. Cơn suyễn khá nặng đến nỗi mẹ tôi cứ nhất định rằng tôi bị bệnh lao và bà mang tôi lập tức vào bệnh viện để khám nghiệm. Người ta nhận thấy phổi tôi rất tốt, nhưng tôi đang bị suyễn nặng. Trong nhiều tháng dài tôi phải chịu đựng cơn bệnh dày vò, hô hấp thật là hết sức khó khăn. Nhiều lúc tôi muốn nhảy qua cửa sổ mà chết cho rồi. Những lần xông hơi bằng các lá cây, chần trùm kín đầu, giúp tôi dễ chịu phần nào. Dần dần rồi bệnh cũng được thuyên giảm.

Những kỷ niệm về thời đó lúc sáng lúc mờ trong trí não tôi. Ấn tượng rõ nhất vẫn còn lưu lại cho đến bây giờ là chúng tôi bị chìm ngập trong cái vũng bùn nghèo khổ. Tôi cũng không sao nhớ lại hồi đó anh Sít-nê tôi ở đâu. Vì anh hơn tôi bốn tuổi, anh chỉ bước vào trong tư tưởng tôi thỉnh thoảng mà thôi. Có lẽ anh sống với ông ngoại tôi để giúp an ủi phần nào mẹ của chúng tôi. Và cứ như thế chúng tôi dờn nhà liên tục, tìm những nơi nào rẻ nhất, dù tồi tàn nhất để sống qua ngày.

Tôi ý thức thật rõ ràng cảnh khổ ở trong đời sống xã hội mà sự nghèo nàn đã buộc chúng tôi chấp nhận. Dù là những đứa nghèo khổ mặt hàng thì vào những ngày chủ nhật, chúng vẫn có thể dùng bữa ở nhà. Kẻ nào không ăn tại nhà vào những buổi chiều chủ nhật thuộc vào thành phần của kẻ ăn xin, và đó chính là trường hợp của chúng tôi vậy.

Chương 5

Anh Sít-nê tôi bây giờ lên mười bốn tuổi, đã rời trường học và giữ chân bưu tín viên ở nhà dây thép gần đây. Nhờ cái đồng lương nhỏ nhoi của anh và tiền mẹ tôi kiếm được trong sự may vá, chúng tôi cũng sống đắp đổi qua ngày. Tiền mẹ tôi kiếm thật là ít ỏi mà công việc bà thật là nặng nề. Thường thường, buổi tối, tôi thức nhìn bà cúi khòm người trên máy may, ngọn đèn dầu hôi tỏa sáng lơ mờ chung quanh đầu bà và khuôn mặt bà cúi xuống trong khoảng tranh tối tranh sáng, đôi môi của bà hé ra theo sự điều khiển đường may chạy nhanh dưới mũi kim máy, và cứ như thế tiếng máy đều đều đưa tôi vào trong giấc ngủ. Khi phải làm khuya như vậy, thường là cần phải thanh toán một món nợ nào. Không kể hàng tuần phải trả tiền góp chiếc máy may đó.

Một cuộc khủng hoảng xảy ra : anh Sít-nê cần có bộ đồ mới. Mọi khi anh vẫn mặc bộ đồng phục của bưu tín viên để mà đi làm, mặc luôn cả ngày chủ nhật, cho đến một lúc bạn bè của anh điều cợt quá sá điều đó. Suốt hai tuần liền, vào ngày nghỉ việc, anh phải ở mãi trong nhà, cho đến khi mẹ chúng tôi tìm cách mua về cho anh một bộ quần áo nỉ xanh. Tôi cũng không hiểu làm sao mà bà tìm được mười tám “xi linh” để mua sắm. Số tiền ấy làm điên đảo đời sống kinh tế chúng tôi, đến nỗi mẹ tôi cứ mỗi buổi sáng thứ hai lại đem bộ quần áo ấy gởi tiệm cầm đồ vì vào ngày đó anh tôi đã đi làm việc với bộ đồng phục của sở, rồi đến thứ bảy bà lại mang tiền đến chuộc cho anh tôi mặc vào trong ngày nghỉ. Cứ thế cầm đi cầm lại suốt một năm trời cho đến cái ngày bộ quần áo kia đã cũ mòn rồi. Và chúng tôi gặp một nỗi khó khăn đáng kể.

Theo như lệ thường buổi sáng thứ hai hôm đó mẹ tôi đem bộ quần áo đến tiệm cầm đồ. Ông chủ tiệm tỏ một ý lưỡng lự:

- Thưa bà, chúng tôi không sao đưa món tiền cũ cho bà mượn được.

Mẹ tôi ngạc nhiên:

- Sao vậy, thưa ông?

- Thiệt là bất lợi cho chúng tôi quá, vì bà coi xem, cái quần đã mòn hết rồi.

Rồi ông luồn tay dưới đáy:

- Nhìn xem, có thể ngó xuyên qua được đây này.

Mẹ tôi gặng lại:

- Nhưng thứ bảy sau chúng tôi sẽ lấy lại mà.

Người chủ tiệm vẫn lắc đầu:

- Cùng lắm chúng tôi có thể giao bà ba đồng là tiền chiếc áo mà thôi.

Mẹ tôi rất ít khi khóc, nhưng sau chuyện đó bà đã đầm đìa nước mắt. Bà vẫn trông vào bảy đồng cầm bộ quần áo để mà sống qua tuần lễ.

Quần áo của tôi thật ra cũng tả tơi rồi. Bộ đồ trình diễn ở trong đoàn vũ được đem mặc mãi bây giờ coi thực hết sức nham nhở. Chỗ nào cũng có miếng vá, ở cùi, ở quần, ở vớ.

Một hôm từ nhà thương về mẹ tôi thấy một đám trẻ chọc ghẹo một bà cụ già tả tơi, dơ bẩn, nên dừng lại để la chúng. Tóc bà cụ bị cạo sạch, một điều hiếm thấy vào thời đó, và lũ trẻ con vừa cười vừa xô đẩy nhau trước bà, nhả những bộ mặt gớm ghiếc làm như đụng chạm đến bà là bị truyền nhiễm lập tức. Người đàn bà khốn khổ kia đứng yên như một con nai đã bị săn đuổi đến bước đường cùng thì vừa kịp lúc mẹ tôi can thiệp. Liền đó bà ta cũng nhận ra được mẹ tôi, kêu lên:

- Lin không nhìn ra mình sao? Ê-va đây mà!

Lin là biệt danh mẹ tôi dùng trong đoàn hát. Mẹ tôi nhận ngay được người bạn cũ vào thời ở ca nhạc đường. Lúc ấy tôi bối rối quá nên tôi đi thẳng và ngồi đợi mẹ tôi ở góc đường. Bọn trẻ đi qua trước tôi vừa cười và nói những lời diễu cợt. Tôi giận không biết chừng nào. Tôi quay lại nhìn mẹ tôi xem có việc gì xảy ra và thấy hai người đàn bà đang tiến dần về phía tôi. Rồi mẹ tôi hỏi bà kia:

- Còn nhớ thằng bé Sác-li của mình đấy không?

- Nhớ chứ – Người đàn bà nói với giọng thấm đầy nước mắt – tôi bỗng nó hoài hồi nó còn nhỏ đấy mà.

Cái ý tưởng đó làm tôi khổ tâm vì người đàn bà trông thật dơ bẩn và gớm ghiếc quá. Lại càng bối rối hơn nữa là cứ nhìn thấy trên đường mà chúng tôi đi nhiều người quay lại để nhìn. Người đàn bà kia một thời đã được nổi danh xinh đẹp. Nhưng khi đã tàn tạ rồi, không còn theo đuổi được nghiệp cầm ca lại bị đau ốm nằm lâu ở trong bệnh viện nên lúc ra khỏi nhà thương phải ngủ ở dưới gầm cầu và trong những nhà cứu trợ. Mẹ tôi dẫn bà đi tắm ở nơi phòng tắm công cộng rồi đưa về nhà, điều đó làm tôi hoảng quá. Tôi không làm sao biết được có phải bị bệnh mà bà lâm vào tình trạng như thế hay không. Có điều mà tôi nhận thấy hết sức khó coi là bà nằm ngủ trên giường của anh Sít-nê. Mẹ tôi chia sớt cho bà một ít áo quần, đưa cho bà mượn vài đồng xi linh, rồi sau ba ngày nghỉ ngơi ở nhà chúng tôi bà lại ra đi. Kể từ ngày ấy tôi không bao giờ nghe nói về bà ta nữa.

Tiệm nước Ba Con Nai ở trong thành phố không phải là nơi cha tôi thường đến nhưng một buổi chiều đi ngang qua đấy tự nhiên tôi muốn dòm vào bên trong xem có ông không. Tôi hé cửa nhìn vào và thấy cha tôi ngồi trong góc phòng. Tôi tính bỏ đi nhưng sắc diện ông đột nhiên bừng sáng và ông làm dấu để gọi tôi vào. Thái độ của ông làm tôi ngạc nhiên vì ông ít khi cởi mở như thế. Trông ông có vẻ đau nặng. Đôi mắt hõm sâu và khắp người đều phù thũng. Một tay ông đặt vô ngực, theo kiểu của Nã Phá Luân, có lẽ để cho dễ thở. Buổi chiều hôm ấy ông tỏ ra rất ân cần với tôi, hỏi thăm tin tức mẹ tôi và anh Sít-nê, và trước khi tôi ra về ông còn ôm tôi vào lòng và lần đầu tiên ông đã hôn tôi. Đó cũng là lần cuối cùng tôi nhìn thấy ông trong cõi đời này.

Ba tuần sau người ta đưa ông vào bệnh viện Thánh Tô Ma. Phải cho ông nốc rượu say rồi mới đưa ông đi được. Khi ông biết mình ở đâu, ông vùng vẫy thật dữ dội, nhưng với bệnh tình như thế ông không thể nào thoát khỏi. Ông đã qua đời vì chứng thủy thũng lúc còn quá trẻ, ba mươi bảy tuổi. Người ta đã rút từ đầu gối của ông ra

gần hai mươi lít nước. Mẹ tôi đã đến nhiều lần thăm ông và những chuyến thăm viếng ấy càng làm cho bà buồn thêm. Bà kể rằng ông đã nói với bà ước muốn được quay lại sống bên bà và cùng qua bên Phi Châu làm lại cuộc đời. Khi tôi tỏ ra vui mừng trước một viễn ảnh như thế thì mẹ tôi bỗng lắc đầu vì bà hiểu rõ tất cả sự tình. Bà nói : “Ông ta chỉ nói cho vui lòng mẹ đấy thôi”. Một hôm bà từ nhà thương trở về có vẻ hết sức giận dữ vì cha Mác-Nên (Mc. Neil) lúc thăm cha tôi đã nói : “Trời ơi, này anh Sác-Li, tôi nhìn thấy anh tôi lại nhớ đến câu cách ngôn xưa : Gieo gió thì thế nào cũng gặt bão”. Mẹ tôi nói tiếp : “An ủi một người sắp chết mà mở miệng nói như vậy cũng lạ đời thật”. Vài ngày sau đó, cha tôi từ trần. Nhà thương muốn biết ai sẽ lo phần chôn cất. Không còn một đồng xu nào trong túi mẹ tôi nhờ Hội Cứu tế nghệ sĩ lo liệu. Nhưng ý kiến này gây nên nhiều sự chống đối dữ dội ở bên họ hàng cha tôi. Họ quan niệm rằng giao cho cơ quan từ thiện chôn cất là điều xấu hổ. Người em nhỏ nhất của cha tôi mới ở Phi Châu trở về ghé lại Luân Đôn cho biết ông sẽ chịu hết phí tổn về việc tống táng.

Ngày đi đưa đám chúng tôi phải đến bệnh viện để gặp gỡ hết mọi người ở trong họ hàng cha tôi rồi mới đi đến nghĩa địa. Anh Sít-nê không dự được vì bận công việc ở sở. Mẹ tôi và tôi đi đến bệnh viện sớm trước hai tiếng đồng hồ, vì bà muốn nhìn lại một lần cuối cha tôi trước khi người ta đẩy nắp áo quan. Quan tài được độn bằng xa ten trắng và ở nơi đóng khung lại khuôn mặt cha tôi có những bông hoa cúc nhỏ. Mẹ tôi thấy cách trang trí ấy thật đơn giản và thật cảm động nên bà hỏi ai đã khéo trình bày như vậy. Nhân viên bệnh viện bảo có một người đàn bà đến từ lúc sáng tinh sương với một đứa bé. Người ấy là bà Lu-i.

Ở trong chiếc xe đưa đám dẫn đầu, mẹ tôi, chú tôi và tôi cùng ngồi. Hành trình đi đến nghĩa địa thật là gian nan vì mẹ tôi chưa bao giờ gặp chú em đó. Ông ta là một kiểu loại con người tự cho phong nhã hào hoa, nói bằng một giọng kiêu cách. Tuy rằng ông rất lễ độ nhưng cách đối xử thật là lạnh lùng. Người ta bảo ông rất giàu, làm chủ nhiều trại nuôi ngựa lớn lao ở Nam Phi và trong trận giặc chống người Bồ E ông đã cung cấp ngựa cho chính phủ Anh.

Lúc khởi sự việc chôn cất thì trời tuôn mưa. Những phu đào huyệt ném đất trên mặt áo quan gây những tiếng động thô bạo. Quang cảnh có gì áo não và khủng khiếp quá khiến tôi bỗng òa lên khóc. Rồi đến những người ở trong gia đình ném hoa và các vòng hoa lên mộ. Mẹ tôi, không có gì để ném cả, lấy chiếc khăn tay rất quý của tôi và bảo : “ Này con, hãy ném khăn này cho phần mẹ con chúng ta”. Sau đó họ hàng bên nội của tôi dừng lại quán nước ăn trưa, và trước khi họ từ biệt chúng tôi họ cũng ngỏ lời lịch sự hỏi chúng tôi muốn về đâu thì họ đưa xe đến nơi.

Khi chúng tôi trở lại nhà, chẳng còn chút gì bỏ vào bụng ngoại trừ một tách mỡ bò, mẹ tôi không có một đồng xu nào trong túi. Còn lại hai xu cuối cùng thì bà đã đưa anh tôi mang theo để ăn trưa. Từ ngày cha tôi lâm bệnh, bà không còn có thì giờ rảnh rỗi để làm việc, và ngày hôm ấy, gần vào cuối tuần bảy đồng hào lương của anh Sít-nê cũng tiêu hết rồi. Đi chôn cất về chúng tôi thật đói. May thay một người mua đồ ve chai đi ngang qua đường và chúng tôi còn một cái lò nấu dầu hôi đã cũ. Mặc dầu tiếc rẻ mẹ tôi cũng đem bán đi để lấy nửa xu và mua nửa xu bánh mì ăn với mỡ bò.

Vì là vợ chính thức nên qua ngày sau mẹ tôi được gọi tới bệnh viện nhận đồ đạc cha tôi. Đồ đạc gồm có một bộ quần áo màu đen dính đầy vết máu, ít quần áo lót, một cái sơ mi, một cà vạt đen, một cái áo ngủ đã cũ và đôi giày vải có mấy quả cam nhét ở bên trong. Khi mẹ tôi lôi mấy quả cam ra, nửa đồng tiền vàng rơi theo. Thiệt là món quà hết sức bất ngờ.

Chương 6

Suốt nhiều tuần lễ tôi mang băng tang ở trên cánh tay. Dấu hiệu tang tóc đó kể ra cũng thật có lợi, và tôi nhận biết điều đó vào một buổi chiều thứ bảy khi tôi bán hoa. Tôi bảo mẹ tôi cho mượn một đồng xi linh, để tôi vào trong chợ hoa mua chừng hai bó thủy tiên, rồi khi bãi học về nhà tôi cột bông lại từng chùm, mỗi chùm tính giá một xu. Khi tôi đem bán hết số hoa đó tính ra tôi đã lời được một trăm phần trăm. Tôi bước vào trong tiệm nước, vẻ mặt đau khổ, nói như van lơn : “Xin mời mua hoa, thưa cô, xin mời mua hoa, thưa bà”. Những người đàn bà thường hỏi : “Để tang ai vậy, chú nhỏ?” Và tôi trả lời bằng giọng gần như thì thầm : “Cha cháu” và họ thường cho tôi tiền. Có một buổi chiều khi tôi trở về mẹ tôi hết sức ngạc nhiên thấy tôi đếm được tới năm xi-linh (Shilling). Vào một ngày nọ, tôi từ quán nước bước ra, gặp phải mẹ tôi, thế là hết chuyện bán hoa. Với bà, để cho con mình bán hoa trong những tiệm nước là điều xúc phạm. Bà bảo : “Rượu chè đã giết cha con và đồng tiền ở một nơi quán rượu chỉ đem tai họa cho chúng ta thôi”.

Kể ra tôi cũng có khiếu thương mại. Trí óc của tôi luôn luôn chứa đầy dự định : nhìn vào hàng quán vắng vẻ tôi thường tự hỏi mình sẽ buôn gì để cho có lời, từ chuyện buôn cá, buôn món khoai chiên, đến các loại thực phẩm khác. Điều tôi cần nhất là vốn nhưng làm sao kiếm cho ra được vốn bây giờ? Cuối cùng tôi thuyết phục được mẹ tôi cho tôi nghỉ học để kiếm việc làm.

Tôi làm thật là nhiều nghề. Bắt đầu tôi đi chạy hàng cho tiệm dược phẩm. Giữa hai chuyến đi, tôi chọn một cách thích thú vào trong hầm chứa, giữa những xà phòng, bột mì, đèn cây, bánh kẹo, xức đến no nê mấy thứ ngọt ngon đến phải sinh bệnh. Rồi tôi lại đến làm việc tại văn phòng của hai ông bác sĩ phụ trách cho một công ty bảo hiểm. Chỗ này do anh Sít Nê nhường lại cho tôi. Kể ra cũng kiếm được tiền : tôi chỉ làm việc tiếp khách và sau khi các bác sĩ đi rồi tôi lau chùi nhà, mỗi tuần lãnh được mười hai xi linh. Trong việc tiếp khách tôi thành công lắm vì tôi làm vui lòng mọi người bệnh đến đó. Nhưng về công việc trong nhà thì tôi chẳng thích tí nào, anh tôi làm

công việc ấy hay hơn. Tôi chẳng ngại gì công việc đổ bình nước tiểu nhưng phải lau các cửa sổ cao hơn ba thước quả là việc làm hết sức lớn lao. Càng ngày các cánh cửa ấy càng đen đúa hơn, bụi bặm phủ đầy cho đến lúc người ta lịch sự bảo tôi rằng tôi còn quá nhỏ tuổi để mà tiếp tục việc làm. Khi nghe tin ấy, tôi òa lên khóc. Bác sĩ phụ trách phòng mạch ở đó đã cưới một bà rất giàu, có một tòa nhà khá lớn, thấy thương hại tôi nên bảo tôi đến nhà ông làm người sai vặt. Tôi cảm thấy vui không biết chừng nào. Hầu hạ trong một ngôi nhà đặc biệt và được trả thù lao nhiều, còn gì khoái hơn. Vào làm nơi ấy, thật thích, vì tôi được tất cả chị bồi phòng cưng yêu. Họ coi tôi như một đứa bé con và ôm hôn tôi từ giã vào mỗi buổi chiều. Không có định mạng xui khiến có lẽ tôi đã trở thành đầu bếp. Một hôm bà chủ bảo tôi xuống cái hầm chứa dọn sạch một nơi chứa đầy thùng gỗ và các mảnh vụn. Bất ngờ tôi tìm được một ống sắt dài gần hai thước rưỡi và tôi cảm thấy thích thú ngậm lấy để thổi như là thổi kèn. Giữa lúc tôi đang vui vẻ như thế, bà chủ xuất hiện... và tôi bị đuổi khỏi nhà với lời báo trước ba ngày.

Khi vào làm việc trong tiệm sách của gia đình ông Xi-Mít tôi thật hứng thú nhưng rồi người ta thấy tôi quá nhỏ lại cho nghỉ việc. Tôi lại xin vào làm nghề thổi chai. Tôi có đọc được ở trường một bài nói về thổi chai và qua bài tả tôi thấy nghề ấy thật là tuyệt diệu nhưng khi vào việc hơi nóng làm tôi ngộp thở và tôi ngã lăn bất tỉnh khiến người ta phải khiêng tôi đặt nằm trên một đồng cát cho hồi tỉnh lại. Bấy nhiêu cũng là quá đủ, và tôi không dám trở lại nơi đó để lãnh lương ngày hôm ấy. Rồi tôi vào làm trong một nhà in. Tôi cũng nói dối rằng tôi biết chạy máy lớn, loại máy in dài sáu thước. Khi đứng ngoài phố tôi có nhìn vào người thợ chạy máy và tôi thấy công việc ấy có vẻ đơn giản dễ làm. Gặp một tấm biển có đề dòng chữ : Cần một thợ trẻ biết chạy máy Hoạt-phê-đan (warfedale). Lập tức, tôi vào trình diện. Khi người cai xưởng dẫn tôi đến nơi chiếc máy tôi thấy nó ở trước tôi như con quái vật. Muốn điều khiển máy phải leo lên ngồi trên một mặt cao cách đất độ một thước rưỡi và tôi có cảm tưởng như mình ngồi ở trên đỉnh tháp Ép-phê-n (Eiffel). Người cai xưởng bảo:

- Cho máy chạy đi!

Làm sao mà cho chạy được? Thấy tôi vẫn cứ lúng túng, ông ta bật cười:

- Rõ là chú mày chưa chạy máy này bao giờ.

Tôi nói:

- Nhờ bác chỉ giúp tôi đi, tôi sẽ chạy được liền mà.

Ông ta chỉ cho tôi thấy cần máy rồi cho máy quay từ từ. Khi máy lăn đều với những tiếng nghiến và những tiếng gầm tôi có cảm tưởng như nó sắp nuốt sống tôi. Những tờ giấy in cũng thật là lớn. Chỉ mỗi một tờ cũng đủ gói kín tôi rồi. Với một cây cào bằng ngà tôi tách các tờ giấy và nắm một góc đặt nó cẩn thận trên các răng cưa vào lúc mà con quái vật chuẩn bị nuốt lấy. Làm xong ngày đầu, tôi thật tội tởm vì quá căng thẳng thần kinh trong cái ý tưởng con quái vật kia có thể xơi tái tôi mất. Tuy vậy người ta cũng chịu trả tôi mỗi tuần mười hai xi linh.

Những buổi sáng mai trời lạnh, khi chưa hừng sáng, đi trên các con đường phố vắng lặng, thỉnh thoảng mới gặp đôi bóng dáng người lướt qua rồi tiến bước về tiệm trà đầu phố để ăn điểm tâm, thật có vẻ gì lãng mạn và đầy ý vị phiêu lưu. Người ta có một cảm tưởng yên lòng trong sự chung đụng khi ngồi uống tách trà nóng trong cái hơi ấm dịu dàng của phút chờ đợi một ngày công việc. Và việc tôi làm ở tại nhà in cũng không có gì là khó khăn cả. Trừ cái phần việc nặng nề ở mỗi cuối tuần là phải rửa sạch mực in trên những ống lăn to lớn mỗi cái nặng hơn năm chục kí lô, còn thì những công việc khác thật là dễ chịu. Nhưng chỉ hai ba tuần lễ tôi đã bị cúm và nằm liệt giường. Mẹ tôi ép tôi trở lại trường học.

Bây giờ anh Sít-nê đã mười sáu tuổi rồi, và một hôm anh về nhà tỏ ra hết sức vui vẻ vì đã kiếm được một chỗ thổi kèn trên một chiếc tàu chạy sang Phi Châu. Phần việc của anh chỉ là báo hiệu giờ ăn, giờ nghỉ v.v... Hồi đến học Trường Hải Quân Ích Mao anh đã có tập thổi kèn, nhờ vậy bây giờ mới có việc làm. Mỗi tháng anh lãnh được hai đồng “liu” và hưởng thêm tiền quà nước khi anh giúp phần dọn ăn ở ba chiếc bàn cho những hành khách hạng nhì. Trước giờ khởi

hành người ta chịu giao cho anh số tiền đặt cọc là ba mươi lăm xi linh, dĩ nhiên anh đem về giao hết cho mẹ tôi.

Sau chuyến đi đầu tiên, lúc anh Sít-nê trở về, gia đình thực vui như hội vì anh hưởng được món tiền quà nước khá lớn. Tôi còn nhìn thấy lại anh móc tiền ở trong túi áo đổ xuống mặt giường. Tôi có cảm tưởng như chưa bao giờ tôi nhìn thấy được nhiều tiền như thế trong cuộc đời mình. Tôi nhặt một mớ, tôi thả rơi chúng, tôi lại xếp chúng thành chồng và tôi cứ đùa với tiền mãi cho đến lúc mẹ tôi cùng với anh tôi đồng bảo rằng tôi quả là một tên hà tiện. Cuộc sống lúc này kể thực là sang. Chúng tôi đang ở mùa hè, cũng là thời kỳ chúng tôi được uống nước đá, được ăn bánh ngọt và nhiều thứ ngon khác nữa. Đó là thời kỳ được ăn cá muối, thịt ướp, bánh nướng v.v...

Anh Sít-nê lại cảm lạnh và nằm liệt giường nhiều ngày. Mẹ tôi và tôi thay phiên để săn sóc anh. Những ngày đó tôi tha thò mà dùng nước đá. Tôi mang một cái thùng lớn đến tiệm để mua một xu nước đá khiến ông chủ tiệm có vẻ bức tức vô cùng. Khi tôi qua mua lần thứ hai ông bảo tôi hãy về mang theo một bồn tắm để chứa. Một trong các món giải khát thích nhất vào mùa hè ấy của gia đình tôi là dùng nước chanh pha sữa. Bọt li-mô-nát tung lên qua chất kem sữa tạo thành một sự pha trộn tuyệt diệu. Anh Sít-nê ở lại nhà mãi cho đến khi tiêu hết số tiền dành dụm. Rồi anh lại ghi tên vào một chuyến đi khác và lần này nữa lại được ứng trước số tiền ba mươi lăm đồng xi linh, anh lại đem về cho mẹ. Nhưng bấy nhiêu đó cũng không no đủ được dài. Độ ba tuần lễ chúng tôi hết tiền và phải đợi chừng ba tuần lễ khác anh tôi mới về. Mặc dù mẹ tôi vẫn cứ tiếp tục may vá nhưng tiền thu được chẳng đủ vào đâu. Chúng tôi lại lâm vào một cuộc khủng hoảng khác.

Nhưng tôi không thiếu sáng kiến để mà đối phó với tình trạng này. Mẹ tôi có đồng đồ cũ và vào một sáng thứ bảy tôi bàn với bà để tôi mang ra chợ bán. Mẹ tôi cảm thấy khó chịu phần nào và bảo mớ đồ cũ kỹ ấy không đáng giá là bao. Tuy vậy tôi cũng tìm một mảnh chăn đã cũ gói hết chúng lại rồi mang ra chợ. Tôi đặt món hàng của mình xuống một vệ đường rồi tôi bước xuống đứng trong mương rãnh hè

phổ kêu lên : “Coi đây, bà con” vừa nói tôi vừa lôi ra một chiếc sơ mi đã cũ vung lên trước mắt mọi người, rồi lại lôi ra một chiếc nịt vú tàn phế... Tôi bảo những người qua đường : “Quý ngài muốn mua món này bao nhiêu? Bằng lòng một xi linh không, hay là sáu xu, ba xu, hai xu?” Nhưng dù tôi hạ xuống đến một xu cũng chẳng có ai thèm vào. Người ta dừng bước nhìn các món đồ một cách ngạc nhiên rồi phá lên cười và bước đi luôn. Tôi đã bắt đầu cảm thấy lúng túng, nhất là trong tiệm bán đồ châu báu trước mặt có một số người ngồi sau cửa kính nhòm ngó tôi hoài. Nhưng tôi định không chịu nhượng bộ. Cuối cùng tôi đem đôi ghệt coi mòi vẫn còn xài được bán lấy sáu xu. Nhưng càng đứng lâu, tôi lại càng thấy khó chịu. Được chừng một lát, người chủ tiệm châu báu kia tiến về phía tôi và hỏi tôi vào nghề được bao lâu. Mặc dù sắc diện của ông có vẻ trang nghiêm nhưng trong câu nói của ông có một vẻ gì cười cợt và tôi trả lời ông ta tôi mới tập tễnh bước đầu. Ông ta lững thững lại chỗ hai người đồng bọn ngồi sau tủ kính nhìn tôi vừa nói vừa cười. Bấy nhiêu kẻ cũng đủ rồi. Tôi nghĩ đã tới cái lúc cuốn gói đi về. Khi tôi nói lại cho mẹ tôi biết đã bán đôi ghệt với giá sáu xu bà lộ ra vẻ bất bình và nói : “Đôi ấy còn tốt. Đáng lẽ phải bán với giá cao hơn”. Trong tình trạng của chúng tôi bấy giờ, chúng tôi khỏi phải lo khoản tiền nhà bao nhiêu. Vấn đề đã được giải quyết quá dễ là cứ đến ngày người ta tìm đến thuê tiền thì mẹ con tôi dọn đi nơi khác. Đồ đạc chúng tôi cũng chẳng có gì. Thuê cái xe bò để chở coi còn tốn kém hơn là giá trị của mớ đồ ấy.

Vào thời gian này tôi làm quen với ông cụ và người con ông sinh sống trong những chuồng ngựa bỏ hoang sau thành phố. Cha con nhà này làm những đồ chơi và đem bán dạo từ thành phố này sang thành phố khác. Họ thật hoàn toàn tự do, chẳng phải vướng bận điều gì và tôi thèm muốn địa vị của họ. Nghề nghiệp của họ cũng không cần vốn liếng nhiều, chỉ độ chừng một xi linh là đã làm ăn được rồi. Họ nhặt nhanh những miếng bìa lót dày mà các hàng tiệm sẵn sàng cho họ cùng các miếng rẻo niềng niềng bỏ vãi khắp nơi, rồi bỏ tiền mua một đồng xu keo, một đồng xu gỗ, chừng hai xu chỉ, một xu giấy màu là nhiều. Với cái vốn liếng một đồng xi-linh họ có thể làm ra được bảy tá tàu thủy đem bán mỗi chiếc một xu. Thân tàu

được cắt trên các bìa dày may lại trên một cái đáy cũng bằng bìa ấy và ở trên mặt trơn ấy bôi keo và đổ các bột niềng niềng. Người ta dùng dây chỉ có điểm những vảy nhỏ để dựng cột buồm và dán trên cao cờ xanh cờ đỏ, cả ở phía trước, phía sau. Hàng trăm những chiếc tàu nhỏ như thế lấp lánh đủ màu để làm vui mắt mọi người và họ tìm mua dễ dàng. Từ khi tôi làm quen họ, tôi tìm mọi cách phụ việc và nhờ vậy tôi học được cách làm. Khi họ rời bỏ khu phố của tôi đi về nơi khác, tôi bèn thế chỗ của họ mà làm nghề ấy. Với một số vốn sáu xu và chịu phỏng cả da tay nhiều lần để cắt đóng bìa tôi đã làm xong ba tá tàu thủy như vậy trong một tuần lễ.

Nhưng nhà chúng tôi quá nhỏ hẹp không đủ chỗ cho mẹ tôi may vá và cho cả tôi thiết lập xưởng tàu. Lại thêm mẹ tôi không ưa mùi hồ nấu sôi và cái chậu hồ của tôi trở thành một mối đe dọa thường trực các món đồ may hàng lụa choán chật gian nhà. Số tiền thuê được của tôi tính ra thua mẹ tôi nhiều nên tôi đành phải dẹp tiệm để chỗ mẹ tôi làm việc.

Chương 7

Suốt thời gian ấy chúng tôi ít gặp ông ngoại. Năm ngoái sức khỏe của ông không tốt. Bàn tay ngoại tôi bị bệnh phong thấp không thể tiếp tục hành nghề thợ giày. Trước kia thỉnh thoảng ông còn giúp đỡ được cho mẹ tôi chút đỉnh. Đôi khi ông đãi chúng tôi ăn tối, bữa ăn nhà nghèo gồm bột lúa mạch dùng để nuôi ngựa và những củ hành nấu sữa nêm thêm muối tiêu. Vào những đêm dài mùa đông lạnh lẽo những món ăn đó được coi như là căn bản để giúp chúng tôi chống lại giá buốt. Khi tôi còn bé tôi vẫn nhìn thấy ông tôi như một cụ già nghiêm khắc, ương gàn, bao giờ cũng chực xét nét việc làm của tôi và cách nói năng của tôi. Qua những chuyện nhỏ hếch xách như thế tôi thấy không ưa ngoại tôi chút nào. Nhưng bây giờ ông đã vào bệnh viện, bị chứng phong thấp hành hạ và mẹ tôi phải mỗi ngày lui tới viếng thăm. Những chuyến thăm viếng như thế thật là có lợi vì bao giờ bà cũng mang về được thức ăn, thường thường là một gói đầy trứng tươi, một món xa xỉ đặc biệt trong cái thời buổi đói kém mà gia đình tôi đang phải trải chịu. Hôm nào bà không đi được thì bà bảo tôi đi thay. Tôi cũng ngạc nhiên thấy ngoại của tôi thật là đáng yêu, tỏ ra hết sức sung sướng được thấy tôi đến. Mấy cô điều dưỡng ở đấy cưng ngoại tôi lắm. Ông có kể cho tôi biết ông thường đùa cợt với các cô ấy, bảo với các cô rằng dù mang bệnh như thế ông cũng không phải hoàn toàn vô dụng. Những chuyện đầu láo của ông khiến cho các cô vui vẻ. Những lúc trong người khỏe khoắn ông cũng phụ việc bếp núc và điều đó cắt nghĩa tại sao chúng tôi có trứng mang về. Những hôm chúng tôi đến thăm, ông thường nằm trên giường bệnh, lén lút lôi ra một cái bì lớn và trao cho tôi, rồi tôi vội vàng nhét vào phía trong áo khoác lính thủy trước khi ra về. Suốt nhiều tuần lễ chúng tôi được sống nhờ trứng sử dụng theo nhiều hình thức khác nhau. Dù ngoại tôi bảo mấy cô điều dưỡng đều là bạn thân của ông và họ cũng có hay biết chuyện ấy nhưng tôi vẫn luôn sợ hãi và khi mang trứng ra về tôi cứ lo ngại mình có thể trượt chân ngã trên sàn hoặc người ta sẽ nhận thấy con người bỗng nhiên to phồng của tôi mà sinh ngờ vực. Điều thật lạ lùng là mỗi khi tôi ra về, các cô điều dưỡng luôn luôn không thấy xuất hiện. Ngày

mà ngoại tôi lành bệnh, rời khỏi nhà thương, thật quả là ngày buồn thảm đối với gia đình chúng tôi.

Sáu tuần lễ đã trôi qua mà không thấy anh Sít-nê trở về. Ban đầu mẹ tôi không lấy gì làm lo ngại nhưng một tuần nữa trôi qua bà vội viết thư đến văn phòng hãng để hỏi tin tức và được họ trả lời lại cho biết anh tôi phải ghé lại Cáp chữa bệnh phong thấp. Tin ấy làm cho mẹ tôi lo lắng và sức khỏe bà sa sút hẳn đi. Bà vẫn cố gắng may vá và tôi may mắn tìm được chút công việc làm là đến dạy võ trong một gia đình gần trường với giá năm đồng xi linh mỗi tuần.

Chính thời kỳ đó gia đình ông Cạc-Ty (Carthy) đến ở tại khu phố này. Bà Cạc-Ty vốn người Ái Nhĩ Lan, cũng là kịch sĩ bạn ngày xưa của mẹ tôi. Chồng bà, ông Cạc-Ty, là một chuyên viên kế toán. Khi mẹ tôi rời sân khấu, chúng tôi không gặp lại vợ chồng họ, và bảy năm sau, bây giờ chúng tôi thấy họ đến ở khu vực sang trọng của khu phố này. Thằng bé Hoa-Ly, con của ông bà Cạc-Ty cùng tuổi với tôi. Hồi còn bé, chúng tôi thích chơi theo lối đóng vai người lớn, giả bộ như những nghệ sĩ ca kịch, hút những xì gà tưởng tượng, và ngồi trong những chiếc xe tưởng tượng, chơi đùa thật là vui thích trước mặt cha mẹ chúng tôi. Bây giờ họ về trú ngụ gần đây, mẹ tôi ít gặp gỡ họ nhưng thằng Hoa-Ly và tôi thì lại thân thiết hơn nhiều. Cứ tan học tôi chạy bay về nhà hỏi xem mẹ có sai bảo gì không, rồi tôi vội vàng đến nhà ông bà Cạc-Ty. Chúng tôi cùng ra sau nhà chơi trò ca kịch với nhau. Tôi làm đạo diễn vừa là diễn viên nên tôi luôn luôn nhận đóng các vai gian hùng vì tôi cũng hiểu lơ mờ rằng những vai ấy dễ nổi bật hơn những vai anh hùng. Chúng tôi vui đùa như thế cho tới giờ ăn cơm tối của gia đình này. Thường thường họ mời tôi cùng dùng bữa. Tôi có cái khiếu đặc biệt là thường có mặt trong những giờ ăn. Nhưng cũng có khi những sự tính toán của tôi gặp phải thất bại và tôi đành quay về nhà với sự tiếc rẻ trong lòng. Mẹ tôi bao giờ cũng sung sướng được thấy tôi và bà tìm dọn cho tôi một món ăn nào đó, miếng bánh chiên mỡ hay một quả trứng của ngoại tôi cho, thêm một tách trà. Mẹ tôi đọc sách, hoặc ngồi bên cửa sổ và bà nhận xét những người qua đường để cho tôi vui. Bà bịa đủ chuyện để diễu cợt. Nếu thấy một người đi thật chậm chạp, thăm thẳm, bà nói : “Hèm! Anh ta về nhà chắc phải ăn rau cho qua bữa tối

và anh ta phải ngán lắm”. Kể nào đi vụt qua mau, bà bảo : “Ông này vừa uống một liều thuốc xổ”. Đến một kẻ khác đáng điệu bệ vệ thì bà lại nói : “Coi này, anh chàng kể cũng lịch sự nhưng hiện giờ đang bận tâm vì cái lỗ rách ở dưới đũng quần”. Mẹ tôi cứ diễu lối đó và tôi cứ ngồi hả họng để cười.

Thêm một tuần nữa trôi qua, vẫn không có tin tức gì của anh tôi cả. Nếu tôi không quá bé bỏng và nếu tôi bén nhạy hơn trước nỗi âu lo của bà thì tôi có thể đoán biết những gì rồi sẽ xảy ra. Tôi phải chú ý rằng mấy ngày qua bà cứ ngồi yên, vẻ mặt xa vắng, nhìn ra cửa sổ không còn muốn lo việc bếp núc nữa và càng ngày càng câm lặng hơn lên. Đáng lẽ tôi phải quan tâm khi các người chủ hiệu may giao đồ cho mẹ tôi làm đã nhận thấy bà làm hỏng và không chịu giao hàng nữa. Rồi họ lấy lại bàn máy vì mẹ tôi đóng tiền trễ trong lúc tôi không còn dạy được nữa để lãnh năm đồng xi linh mỗi tuần. Đáng lẽ tôi phải nhìn thấy giữa bao nhiêu sự việc đó mẹ tôi vẫn cứ thản nhiên, không một chút xúc động nào.

Rồi bà Cạc-Ty thành linh từ trần. Bà đã đau ốm trong một thời gian nhưng rồi sức khỏe suy sụp rất mau. Lúc ấy có nhiều ý tưởng chợt hiện trong đầu óc tôi. Giá ông Cạc-Ty chịu cưới mẹ tôi thì thật là tuyệt. Hoa-Ly và tôi lại là bạn thân. Được vậy, tất cả vấn đề khó khăn mẹ tôi đang phải trải qua sẽ được giải quyết êm đẹp. Sau khi chôn cất bà Cạc-Ty được vài ngày tôi bảo với mẹ tôi rằng:

- Mẹ nên thu xếp để thường xuyên đến viếng thăm ông Cạc-Ty đi. Con chắc ông ấy mà cưới được mẹ thì ông ta rất sung sướng.

Mẹ tôi đáp lại với một nụ cười xanh xao:

- Thôi con, hãy để cho người đàn ông đang đau khổ ấy có thì giờ thở với chứ.

- Nếu mẹ ăn mặc sửa soạn một chút, trang điểm như là ngày xưa, con chắc ông ta sẽ cưới mẹ liền. Nhưng tại mẹ không cố gắng gì hết, mẹ cứ ngồi mãi ở trong gian phòng tiều tụy với vẻ mặt thảm não quá.

Tội nghiệp, người mẹ đáng thương của tôi. Tôi đã hối hận vì đã nói lên những lời như thế. Tôi đâu hiểu sự ăn uống thiếu thốn kéo dài nhiều ngày đã làm mẹ tôi kiệt sức hẳn rồi. Thế mà qua ngày sau đó, với một cố gắng khác thường, mẹ tôi vẫn gắng lo việc bếp núc.

Lúc ấy, vào dịp nghỉ hè. Từ mỗi sáng sớm tôi đã đến nhà của ông Cạc-Ty, với cái ý định trốn cho khuất mắt cảnh nghèo cùng cực của gia đình tôi. Hôm ấy, họ mời tôi ở lại dùng bữa trưa, nhưng linh tính tôi buộc tôi về nhà tìm gặp lại mẹ. Mới đi được một đoạn đường tôi gặp nhiều đứa trẻ nhỏ ngăn tôi lại bảo:

- Mẹ mày điên rồi.

Tôi có cảm tưởng như vừa bị ai tát mạnh. Tôi hỏi:

- Nói cái gì vậy?

Một đứa gái nhỏ bảo tôi:

- Thiệt đó, bà ta đi đến gõ cửa từng nhà rồi lấy từng cục than ra để chia cho họ và bảo là quà sinh nhật cho lũ trẻ con. Mày lại hỏi mẹ tao xem.

Không còn muốn nghe gì nữa, tôi vội chạy ngay về nhà, leo lên cầu thang, xô cửa bước vào. Tôi đứng yên lặng một lát lấy lại hơi thở và nhìn chăm chú mẹ tôi. Đó là buổi trưa mùa hè, trời nắng và nóng ngột ngạt. Mẹ tôi vẫn ngồi theo như lệ thường ở bên cửa sổ. Bà quay đầu lại từ từ nhìn tôi, vẻ mặt xanh xao bối rối. Tôi gần như kêu to lên:

- Mẹ!

Bà hỏi lại tôi với giọng lạc lõng:

- Cái gì vậy kìa?

Tôi vội chạy đến quì gối bên bà, úp mặt vào những nếp áo của bà rồi nức nở khóc. Vừa vuốt mái tóc của tôi, mẹ tôi dịu dàng:

- Nào, nào, con có chuyện gì sao con?

Tôi kêu lên trong tiếng khóc:

- Mẹ đau rồi mà!

Mẹ tôi trả lời với giọng an ủi:

- Nào có gì đâu, thật đó con à.

Giọng bà có vẻ mơ hồ, có vẻ âu lo...

- Không, không, con nghe nói mẹ đã đến gõ cửa từng nhà...

Rồi không thể nói hết câu, tôi lại nức nở. Mẹ tôi thì thầm:

- Mẹ tìm anh Sít-nê con. Người ta đem giấu nó rồi.

Bây giờ tôi hiểu những đứa trẻ ngoài đường đã nói sự thật.

- Mẹ ơi, mẹ đừng có nói như thế, con van mẹ mà. Để con đi tìm một người thầy thuốc.

Bà vẫn vuốt ve đầu tôi và bảo:

- Bọn nhà Cạc-Ty biết rõ anh mày ở đâu nhưng đã đem giấu nó rồi.

Tôi kêu to lên:

- Mẹ đừng nói vậy, mẹ ơi, để con đi tìm thầy thuốc.

Tôi vừa đứng dậy, đi về hướng cửa, mẹ tôi nhìn tôi với vẻ mệt mỏi:

- Đi đâu đó con?

- Con tìm ông thầy thuốc, con về ngay mà.

Mẹ tôi không nói lời nào, nhìn tôi với vẻ đăm chiêu. Tôi vội xuống nhà vào gặp người chủ phố. Tôi nói:

- Mẹ cháu đau nặng, cháu phải đi tìm thầy thuốc bây giờ.

Bà chủ phố bảo:

- Có đi gọi rồi.

Người thầy thuốc ở khu phố là một ông già khó tính, sau khi nghe bà chủ phố kể lại câu chuyện, ông ta khám qua mẹ tôi rồi bảo:

- Bà ta điên rồi. Cho vào dưỡng trí viện thôi.

Rồi ông kê một cái toa, ghi chú mẹ tôi vì bị ăn uống thiếu thốn mà lâm vào tình trạng ấy. Để an ủi tôi, bà chủ phổ bảo:

- Thôi vào nhà thương là tốt, ở đó người ta cho ăn uống đầy đủ.

Bà giúp đỡ tôi mặc áo vào cho mẹ tôi và thu dọn ít đồ đạc đem theo. Mẹ tôi vâng lời như một đứa trẻ. Bà suy yếu đến nỗi gần như không còn chút ý chí nào. Chúng tôi ra khỏi căn nhà trong khi người lớn cũng như trẻ con bu ở trước cửa nhìn mẹ con tôi với vẻ sợ hãi.

Bệnh viện cách đó một cây số rưỡi. Mẹ tôi vừa đi vừa bước lảo đảo như người say rượu mặc dù tôi đã đỡ bước cho bà. Mặt trời vào buổi xế trưa chói chang trên đầu. Nhiều người đi đường cứ tưởng mẹ tôi say rượu nhưng về phần tôi thì tôi thấy họ chập chờn như những ma quỷ trong giấc chiêm bao. Mẹ tôi không nói lời nào, nhưng hình như bà cũng biết đang đi về đâu nên tỏ ra ý vội vàng mong cho chóng đến. Vừa đi tôi vừa tìm lời để an ủi bà, và bà mỉm cười nhưng suy yếu quá không sao nói được. Khi đến bệnh viện, một bác sĩ trẻ cầm lấy tay bà dặt vào. Sau khi đọc xong mảnh giấy của người thầy thuốc khu phố, ông ta dịu dàng nói với mẹ tôi:

- Tốt lắm, bà hãy đi vào ngõ này.

Mẹ tôi nghe theo một cách ngoan ngoãn. Nhưng lúc những cô khán hộ dẫn bà đi vào thì bà bỗng quay ngoắt lại đột ngột cảm thấy khổ tâm về nỗi xa tôi. Tôi cố gắng nói một giọng vui vẻ:

- Đến mai, con lại gặp mẹ.

Bà để cho họ dẫn đi, cứ quay nhìn tôi với vẻ lo lắng. Khi bà đã khuất, người bác sĩ quay lại tôi và hỏi:

- Còn cháu, bây giờ cháu định thế nào?

Vốn đã quá sợ những viện cô nhi, tế bần, tôi trả lời lại ông ta một cách lễ phép:

- Dạ được, cháu về ở với dì cháu.

Ở nhà thương ra, nỗi buồn làm tôi ngơ ngẩn. Đồng thời tôi cũng cảm thấy an ủi nghĩ rằng mẹ tôi vào dưỡng trí viện sẽ được săn sóc còn hơn là ngồi cô độc ở nhà chẳng có gì ăn. Nhưng tôi không bao

giờ quên được cặp mắt nhìn đau đớn của mẹ tôi khi bị người ta dẫn vào bệnh viện. Tôi nghĩ ngợi mãi về những gì đã khiến tôi yêu quý mẹ tôi, tôi nghĩ đến tính vui vẻ của bà, đến sự dịu dàng, đến tình yêu thương của bà đối với chúng tôi.

Hôm ấy tôi không đi ngay vào nhà, tôi không thể nào làm vậy. Tôi ra phía chợ dòm ngó những đồ bày bán cho đến xế chiều. Khi tôi phải trở lại nhà tôi thấy nó thật trống vắng và có cảm tưởng như nghe một lời quở trách. Trên một chiếc ghế đặt một chiếc thau đổ nước lưng chừng trong đó mẹ tôi ngâm hai chiếc áo của tôi và một bộ đồ của bà. Tôi đi lục soát khắp nơi, chỉ còn tìm thấy trong tủ đồ ăn nửa gói trà thôi. Không còn một thức gì khác để bỏ vào bụng. Tôi lại sục sạo ở trên lò sưởi, tìm gặp túi tiền mẹ tôi cất đấy trong đó có một xu rưỡi, mấy cái chìa khóa và mấy mảnh giấy cầm đồ. Ở một góc bàn còn sót lại vài cây kẹo mà bà đã mua cho tôi. Tới đó, tôi không thể nào nén được, và òa lên khóc.

Gần như kiệt lực bởi những xúc động trong ngày hôm ấy, tôi chìm vào trong giấc ngủ mê mệt. Hôm sau, tỉnh giấc, tôi cảm thấy nỗi trống vắng lạ thường đè nặng gian phòng. Mặt trời đã lên tràn ngập sàn nhà như làm sự vắng mẹ tôi thêm rõ ràng hơn. Lát sau, bà chủ phố lên bảo tôi có thể cứ ở lại đấy cho đến khi nào bà tìm được người thuê khác, và nếu đói lắm thì hãy xuống nhà nói cho bà hay. Tôi cảm ơn bà chủ phố, thưa rằng anh tôi khi về sẽ trang trải hết tiền nợ cho bà. Nhưng tôi không dám xin bà một thức ăn nào, vì tôi cảm thấy mắc cỡ.

Qua ngày sau đó tôi không thể đến thăm mẹ tôi được như tôi đã hứa. Không đến thăm được, điều đó làm tôi bối rối lạ lùng. Nhưng bà chủ phố đã gặp bác sĩ và ông ta bảo cho bà hay rằng mẹ tôi đã được đưa vào trong dưỡng trí viện Kên-Hiu (Cane Hill). Cái tin khá buồn thảm này làm cho lương tâm của tôi an ủi phần nào, vì dưỡng trí viện ở cách xa trên ba chục cây số ngàn và tôi không có cách nào tới được. Tôi nghĩ anh tôi rồi sẽ trở về và chúng tôi cùng đi thăm. Trong mấy ngày đó tôi chẳng gặp ai quen biết và tôi cũng không mở miệng để nói với ai lời nào. Vào buổi sáng sớm, tôi bước lén lút ra khỏi gian nhà và suốt cả ngày lang thang đây đó. Tôi cũng xoay xở

tìm được chút gì bỏ bụng, vả lại nhìn đói một bữa cũng chẳng có gì là gớm ghê đâu. Một buổi mai nọ tôi rón rén xuống cầu thang, bà chủ phố đã tỉnh cờ bắt gặp và hỏi tôi ăn gì chưa. Thấy tôi lắc đầu, bà nói bằng giọng nặng trĩu:

- Vậy thì xuống đây.

Tôi cũng tránh gặp gia đình của ông Cạc-Ty vì tôi không muốn cho họ biết rõ tình trạng mẹ tôi. Tôi trốn mọi người như kẻ có tội phải sống lén lút.

Mẹ tôi đi được một tuần và tôi cứ lê cuộc sống như vậy. Nỗi lo âu duy nhất của tôi là bà chủ phố, vì nếu anh tôi không về thế nào bà cũng báo cáo với nhà chức trách để họ đem tôi nhốt vào trong viện Cô nhi. Tôi phải luôn luôn lánh mặt để khỏi gặp bà, nhiều lúc phải ngủ ngoài đường không dám về nhà. Tôi làm quen được mấy người thợ củi sống trong ngõ hẻm ở sau khu phố. Đó là những người hết sức bi thảm, chui rúc trong một kho chứa tối tăm, nói chuyện với nhau bằng những lời lẽ gần như thì thầm, cả ngày cưa gỗ, cắt gỗ, để bó lại từng bó nhỏ đem bán với giá nửa xu. Tôi đứng lê la trước cửa coi họ làm việc. Họ lấy một khúc gỗ lớn rộng độ chừng ba mươi phân, cưa thành từng mảnh dày hai ba phân, rồi lại cắt nhỏ thành từng miếng vụn. Họ cưa xẻ gỗ thật mau và tôi nhìn họ làm việc một cách say mê. Rồi tôi mon men vào giúp đỡ họ. Họ tìm mua những ván rời tháo bỏ các nơi chở về kho chứa, trữ lại, công việc mất khoảng một ngày, rồi qua ngày sau cưa gỗ. Vào ngày thứ sáu, thứ bảy, họ mới bán củi. Điều đã làm tôi ưa thích ở đây là cái không khí tập thể bao trùm nơi họ làm việc. Những người dễ thương và ít lời đó tuổi cũng xấp xỉ bốn mươi nhưng trông già nua hơn nhiều. Người chủ trong đám có lỗ mũi đỏ của người mắc bệnh đi tiểu ra đường và nơi hàm trên chỉ còn mỗi cái răng cửa. Tuy vậy về mặt ông ta bao giờ cũng dịu dàng. Ông có lối cười khó coi, hô cái răng nhọn ra ngoài một cách kỳ lạ. Khi thiếu tách để uống trà, ông lấy một hộp sữa không, rửa sạch, và mỉm cười nói : “Kể ra nó cũng được việc đấy chứ”. Người bạn của ông mặc dù dễ thương nhưng thật ít lời, màu da vàng nâu, đôi môi thật dày và nói thật chậm. Vào khoảng một giờ, người chủ quay lại, hỏi tôi:

- Chú bé đã ăn món bánh bằng váng sữa mặn chưa đấy?

Tôi đáp:

- Cháu cũng thường ăn đấy ạ.

Liền đó ông kêu một tiếng vui vẻ, mím một nụ cười và đưa cho tôi hai xu để chạy tới một hàng quán góc phố mua một xu váng sữa mặn và một xu bánh. Người chủ quán này mến tôi và bán rất rẻ. Sau khi cạo rửa miếng sữa mặn xong chúng tôi cho thêm nước vào, bỏ tiêu và muối. Đôi khi người chủ còn trộn thêm vào cục mỡ và một củ hành thái nhỏ. Tất cả món ấy thêm vào với nước trà nóng làm thành bữa ăn tuyệt hảo.

Dù tôi không bao giờ xin tiền họ nhưng trước cuối tuần người chủ cho tôi sáu xu khiến tôi ngạc nhiên thú vị chừng nào. Người bạn cùng làm có cái màu da vàng nâu thường hay bị chứng động kinh và người chủ phải tìm giấy đốt ở dưới mũi anh ta cho hồi tỉnh lại. Đôi lúc anh lên cơn nặng sùi cả bọt mồm bọt miếng và cắn chặt lưỡi nhưng khi tỉnh lại anh có vẻ gì xúc động và xấu hổ nữa. Những người thợ củi này bắt đầu việc từ bảy giờ sáng cho đến mãi bảy giờ chiều, đôi khi họ còn làm trễ hơn nữa và tôi thường cảm thấy buồn khi họ khép kho chứa lại để trở về nhà. Một buổi chiều nọ, người chủ có ý định cho chúng tôi mua vé hai xu vào dạo vòng ngoài trong rạp ca nhạc phía nam thành phố. Người bạn cùng làm và tôi đã rửa ráy xong, đứng đợi ông ta. Tôi rất nôn nóng đi xem vì tuần đó gánh Cạc-nô (Karno) trình diễn một vở hài kịch rất hay (và đó là đoàn mà mấy năm sau tôi đã gia nhập). Người thợ bạn đứng trước tôi bỗng kêu một tiếng rồi ngã lăn xuống, lại bị động kinh. Người chủ muốn ở lại nhà săn sóc anh ta nhưng anh một hai bảo chúng tôi cứ đi xem và để anh nằm dưỡng bệnh ở nhà.

Trong thời khoảng đó sự đe dọa của trường học như một ông kẹ ám ảnh tôi mãi. thỉnh thoảng mấy người thợ củi cũng hỏi han tôi về chuyện học hành. Nghỉ hè sắp hết, họ lại thắc mắc về tôi, nên tôi đành phải đợi đến bốn giờ rưỡi chiều là giờ tan học mới đến gặp họ. Thành thử gần suốt cả ngày tôi phải lang thang một mình trong ánh

sáng những đường phố không chút tình thương và cứ canh chừng đến giờ tan học để quay về lại những người thợ củi bạn hữu của tôi.

Một tối, khi tôi rón rén lên ngủ thì bà chủ phố gọi tôi. Trông bà có vẻ nóng nảy và bà trao lại cho tôi một bức điện tín trên có mấy dòng : “Sẽ đến ga Hoa-tơ-lô (Waterloo) mười giờ sáng mai. Thân mến. Sít-nê”.

Ra đón anh tôi ở tại nhà ga, vẻ mặt của tôi buồn bã hơn là vui mừng. Áo quần của tôi vừa dơ vừa rách, đôi giày há miệng và lớp vải bọc bên trong của cái mũ kết thò ra như cái váy ngắn ở dưới áo ngoài của người đàn bà. Tôi đã rửa nhờ vòi nước của mấy người thợ củi để khỏi nhọc sức mang một thùng nước lên đến căn phòng ở tầng thứ ba và phải đi ngang qua bếp của bà chủ phố. Khi tôi gặp anh Sít-nê, tai tôi, cổ tôi không sạch sẽ mấy. Anh nhìn ngắm tôi và hỏi:

- Có việc gì xảy ra sao?

Tôi không thể nói dài dòng:

- Mẹ bị điên rồi và đã gởi vào trong dưỡng trí viện.

Mặt anh tối sầm nhưng anh tự trấn tĩnh được.

- Em sống ở đâu?

- Vẫn ở nhà cũ.

Anh quay lại để dọn các hành lý và tôi thấy anh xanh xao gầy gò. Anh gọi chiếc xe và mấy người phu chất những đồ đạc của anh lên mui, đặc biệt có một thùng chuối. Tôi hỏi:

- Của mình hờ anh?

Anh gật đầu, bảo:

- Chuối còn xanh lắm, phải đợi một hai ngày nữa mới ăn được.

Trên quãng đường về anh bắt đầu hỏi tôi về chuyện mẹ. Tôi xúc động quá nên kể cho anh chẳng mạch lạc gì, nhưng đủ cho anh thấy rõ thực trạng gia đình. Anh bảo anh bị đau phải dưỡng bệnh tại Cáp và chuyến về này anh đã dành được hai mươi đồng liu đem về cho

mẹ. Anh có được món tiền ấy là nhờ anh đã tổ chức xổ số ở trong binh lính. Anh lại nói về dự định của anh. Anh không muốn đi biển nữa mà muốn trở thành kịch sĩ. Với số tiền nhỏ dành dụm được này, chúng tôi có thể sống được chừng hai mươi tuần và trong cái thời khoảng ấy anh sẽ tìm một chỗ làm trong các đoàn hát. Chuyến trở về nhà bằng xe của anh em tôi với một thùng chuối có một tác động đặc biệt đối với bà con láng giềng cũng như đối với gia đình chủ phố.

Ngay chiều hôm ấy anh tôi mua sắm cho tôi, trang bị trở lại từ đầu đến cuối, và tối hôm ấy chúng tôi mua vé để đi xem hát. Suốt buổi trình diễn anh tôi cứ lặp lại mãi : “Tuởng tượng hôm nay có mẹ cùng dự thì vui biết là chừng nào”. Tuần ấy chúng tôi đến dưỡng trí viện thăm mẹ. Chúng tôi ngồi đợi ở trong phòng khách và sự chờ đợi lâu dài trở nên khó chịu lạ lùng. Tôi còn nhớ lại nghe một tiếng động ở nơi ổ khóa và tiếng mẹ tôi bước chân vào phòng. Bà có vẻ xanh, đôi môi bà tím và dù nhận ra chúng tôi, sắc diện của bà không có vẻ gì là phấn khởi cả. Sự vui tươi xưa đã biến mất rồi. Một cô khán hộ đi theo sau bà, cô vốn hiền lành nhưng lắm chuyện, cứ đứng túc trực tại chỗ chực xen vào trong câu chuyện giữa mẹ con tôi. Cô nói:

- Tiếc quá, lại nhè đến thăm vào những lúc như thế này vì sức khỏe của bà ở đây chưa được khá lắm. Có phải vậy không, hả bà?

Mẹ tôi liếc nhìn về phía người nữ khán hộ với một dáng vẻ lịch sự và mỉm nụ cười như muốn quay lại về phòng. Cô khán hộ nói:

- Hôm nào bà ta khá hơn thì sẽ lại thăm.

Cuối cùng cô ta quay vào và mẹ con tôi được ngồi với nhau. Mặc dầu anh tôi cố gắng mọi cách để làm cho mẹ vui lòng, anh kể chuyện may của anh trong công việc làm, giải thích vì sao anh phải vắng mặt khá lâu, bà chỉ yên lặng ngồi nghe, thỉnh thoảng gật đầu với vẻ bận rộn lạc loài. Tôi bảo mẹ tôi thế nào bà cũng sớm lấy lại được sức khỏe. Bà trả lời tôi bằng giọng tiếc rẻ:

- Chắc vậy, nhưng nếu con cho mẹ được mỗi một tách trà vào bữa trưa đó thì mẹ đã khá lắm rồi.

Sau đó bác sĩ bảo cho anh tôi biết mẹ tôi suy nhược thần kinh vì thiếu ăn nhiều ngày, bà cần phải được săn sóc nhiều hơn, và dù có những phút giây tỉnh táo cũng phải đợi nhiều tháng nữa mới bình phục được. Và trong nhiều ngày sau đó tôi cứ bị ám ảnh mãi bởi câu mà mẹ đã nói với tôi : “Nếu con đã cho mẹ được tách trà, mẹ đã khỏe rồi”.

Chương 8

Tôi nhớ văn hào Công-Rát (Conrad) đã viết cho một người bạn rằng cuộc sống cho ông ta cảm tưởng như mình là con chuột mù nằm ở góc nhà, chờ đợi giờ phút người ta đập chết. Sự so sánh ấy có thể coi như phù hợp vào biết bao nhiêu cảnh ngộ bi thảm mà chúng ta đây có thể trải qua. Nhưng trong chúng ta cũng có nhiều người gặp được một dịp sung sướng, một dịp may mắn, và đó là điều đã xảy ra cho bản thân tôi.

Tôi đã bán báo, làm thợ nhà in, bán đồ chơi cho trẻ con, thổi chai, chạy việc cho thầy thuốc v.v... nhưng trong những cuộc phiêu lưu nghề nghiệp như thế, tôi cũng như anh Sít-nê, không bao giờ quên cái đích tối hậu đời mình là thành kịch sĩ. Vì vậy, gặp được dịp rảnh nào là tôi đánh giày, chải áo tìm đến xin việc tại sở kịch nghệ Bờ-Lắc-Mo (Blackmore). Tôi đã đi lại như thế mãi cho đến ngày áo quần của tôi không cho phép tôi được xuất hiện nữa. Nhưng một tháng sau ngày anh Sít-nê tôi về, tôi được nhận vào đoàn hát. Khi được chấp thuận và hẹn ngày giờ làm việc tôi lên xe buýt về nhà, say sưa vì hạnh phúc. Người ta chịu trả cho tôi số tiền thù lao hai lư và mười xi linh mỗi tuần. Như thế, tôi đã đột ngột rời khỏi cuộc đời nghèo khổ và bước vào trong giấc mơ ôm ấp từ lâu, giấc mơ mà mẹ tôi từng nói đến với một niềm vui lạ lùng. Tôi sẽ trở thành diễn viên sân khấu. Tất cả điều ấy xảy tới đột ngột chừng nào, bất ngờ bao nhiêu. Suốt cái thời gian ngồi trên xe buýt tôi cảm thấy mình đã vượt qua được một giai đoạn thật là quan trọng. Tôi không còn là nhân vật vô danh lê lét trên các ngoại ô. Bây giờ tôi đã thuộc vào thế giới kịch nghệ. Nghĩ thế, tôi chỉ chực khóc.

Khi tôi trở về kể lại đầu đuôi câu chuyện người ta đã tiếp nhận tôi ra sao cho anh tôi nghe, nước mắt anh tôi bỗng chảy đầm đìa. Anh ngồi nơi giường nhìn ra cửa sổ với vẻ suy nghĩ, vừa lắc lư đầu và vừa gục gặc rồi nói một cách trang trọng:

- Chúng ta đang ở vào một khúc quanh quan trọng của cuộc đời mình. Ước gì có mẹ ở đây để cùng vui với chúng ta.

Tôi tiếp lời anh một cách phấn khởi:

- Anh thử nghĩ coi, họ đã chịu ký giao kèo để mình trình diễn bốn mươi tuần lễ mà cứ mỗi tuần là hai đồng liu và mười xi linh. Em cũng đã bảo ông bầu về việc giao kèo ký kết này nọ đều do anh quyết định cả, như thế mình còn có thể đòi được cao hơn. Ít ra năm này anh em mình để dành được sáu chục đồng liu là ít.

Sau khi sự phấn khởi đã dịu bớt, anh em chúng tôi nhận định là tiền thù lao hai liu và mười xi linh thật không xứng với vai trò quan trọng mà tôi nhận lãnh trong vở tuồng đó. Tôi bảo anh tôi cố gắng đòi thêm, nhưng cuối cùng ông bầu gánh tỏ ra không chút nao núng nên chúng tôi cũng thấy thế là quá tốt rồi. Anh tôi đọc hết vai kịch, giúp tôi học thuộc. Đó là một vai đáng kể, dài độ ba mươi lăm trang nhưng chỉ ba ngày tôi đã thuộc lòng. Đến ngày trình diễn để mà duyệt xét trước khi chính thức vào rạp người đạo diễn của đoàn hát tỏ ra hết sức ngạc nhiên hỏi tôi đã từng trình diễn lần nào ở trên sân khấu hay chưa. Mọi người trong đoàn tỏ ra hết sức hài lòng. Tôi chỉ còn mỗi khuyết điểm phải sửa chữa lại là hơi ngo ngoáy cái đầu và hay nhăn nhó trong khi phát biểu.

Đến khi thực sự trình diễn, vở kịch không được thành công. Các nhà phê bình sân khấu nặng lời chỉ trích, chỉ riêng mình tôi được vài lời khen. Một tờ báo viết : “Có một chi tiết đáng kể đã gỡ gạc được rất nhiều cho vở kịch, ấy là vai em bé bán báo đã gây vui nhộn và lôi cuốn được khán giả. Vai đó đã được Sạc-Lơ Sa-Pơ-Lanh, một kịch sĩ trẻ có tài thủ lầy”. Anh tôi đã mua mười hai tờ báo như vậy để mà lưu giữ. Suốt cái thời gian trình diễn hai tuần, chúng tôi vẫn ở nhà cũ vì trên phương diện kinh tế chúng tôi thấy chưa có gì thật sự bảo đảm. Vào một dịp rảnh, chúng tôi đến dưỡng trí viện thăm mẹ. Mấy cô khán hộ đều nói là mẹ tôi không được khỏe trong ngày hôm đó nên không thể nào thăm được. Họ kéo anh tôi lại chỗ khác để nói chuyện và tôi nghe anh trả lời:

- Không, tôi chắc nó không muốn đâu. (Đoạn, anh quay nhìn tôi với một vẻ mặt buồn bã) Em có muốn gặp mẹ trong biệt phòng không?

Tôi bước lùi lại, kêu lên:

-Ồ, không. Em không thể nào chịu nổi cảnh đó.

Nhưng anh tôi đến thăm mẹ, bà nhận ra được anh tôi và tìm lại được một sự tỉnh táo bình thường. Vài phút sau đó một cô khán hộ ra bảo nếu tôi muốn thăm hãy cứ theo vào và chúng tôi cùng gặp nhau ở trong biệt phòng. Trước khi anh em chúng tôi ra về mẹ tôi kéo riêng tôi ra một chỗ và bà thì thăm bảo tôi với một giọng nói tuyệt vọng:

- Nhớ đừng mất trí nghe con, nếu không họ sẽ nhốt con ở đây.

Mẹ tôi phải ở trong dưỡng trí viện đến mười tám tháng mới tìm lại được sức khỏe. Nhưng trong thời gian tôi đi trình diễn khắp nơi thì anh tôi vẫn thường xuyên đến viếng thăm bà.

Trong chuyến trình diễn đầu tiên ban Quản trị của đoàn hát bảo tôi cùng ở chung với vợ chồng ông Gò-Rin (Green). Ông là thợ mộc của đoàn, bà phụ trách việc may mặc. Ở chẳng vui gì mà ông bà này lại còn có tật nghiện rượu. Tôi không thích ngồi ăn chung với họ, và cũng không ưa được cách ăn uống của họ. Tôi nghĩ cuộc chung sống này đã chẳng vui gì cho họ mà cũng chẳng vui gì cho tôi. Được ba tuần lễ, chúng tôi đồng ý ở riêng và bởi tôi còn quá trẻ để chung sống với các đào kép khác nên tôi phải ở một mình. Như thế, tôi sống đơn độc trong một thành phố xa lạ, một mình ở trong chiếc phòng nhỏ bé và trước khi đêm trình diễn bắt đầu tôi cũng ít khi tiếp xúc với một ai khác, tôi chỉ được nghe có mỗi giọng nói của tôi mỗi khi tôi nói mà thôi. Thỉnh thoảng tôi cũng bước vào tiệm nước mà các đào kép cũng như nhân viên của đoàn tụ tập, để xem họ chơi bi da. Nhưng tôi luôn có cảm tưởng sự tôi hiện diện làm họ không thích chuyện trò và họ cũng tìm cách cho tôi thấy rõ ràng điều ấy. Khi họ đùa cợt, nếu tôi hòa tiếng cười theo thì họ nhìn tôi một cách thật là nghiêm khắc.

Dần dần nỗi buồn xâm chiếm lấy tôi. Một tối thứ bảy khi chúng tôi đến những thành phố về phía Bắc tôi chỉ còn nghe những hồi chuông reo thăm thẳm trong khi tôi dạo bước trên đường lớn. Bóng tối xuống dần, và nỗi cô độc của tôi cũng không có cách gì xoa dịu. Những ngày trong tuần tôi đi lang thang vào trong các chợ địa

phương mua sắm này nọ và mua thức ăn để về cho người chủ trọ nấu nướng. Đôi khi tôi đến thuê một phòng trọ và tôi cùng ăn với gia đình chủ. Việc này làm tôi thích thú vì cách nấu ăn của người miền Bắc thật là sạch sẽ và rất ngon lành.

Tôi đi trình diễn trong vòng sáu tháng. Trong thời gian đó anh Sít-nê tôi vẫn chưa thành công trong ước vọng thành kịch sĩ nên tạm kiếm việc làm khác và được thu nhận vào bán trong một tiệm lớn. Trong số một trăm năm chục người xin vào làm, người ta chỉ chọn mỗi anh. Vậy mà anh vẫn cảm thấy đó là một sự thất bại nặng nề. Anh thường xuyên viết cho tôi để cho tôi biết tin tức về mẹ nhưng tôi ít khi trả lời thư anh, trước hết vì chữ tôi viết quá kém. Có một bức thư của anh làm tôi hết sức cảm động. Anh đã trách tôi về việc vắng mặt thư từ, gọi lại bao nhiêu đau khổ mà chúng tôi đã trải cùng nhau, và những tủi nhục, những khổ nghèo ấy đáng lẽ phải làm chúng tôi gắn chặt vào nhau. Anh viết *“Từ ngày mẹ của chúng ta lâm bệnh, mỗi người trong chúng ta đây chỉ còn có nhau trên cõi đời này. Em hãy thường xuyên viết thư cho anh, để nhắc nhở anh nhớ rằng anh vẫn còn có đứa em”*. Thư anh thật là cảm động, và tôi vội vàng trả lời. Kể từ ngày ấy, tôi nhìn anh tôi với một tâm tình khác hẳn. Bức thư của anh làm gắn chặt thêm tình anh em giữa chúng tôi và mối tình ấy bền chặt suốt cuộc đời tôi.

Tôi đã tập thói quen để sống một mình. Nhưng tôi đã mất thói quen ăn nói đến nỗi thỉnh linh gặp một nhân viên đoàn hát tôi thấy lúng túng một cách khủng khiếp. Tôi không thể nào tìm lại ý nghĩ cho kịp để trả lời thật thích đáng những câu người ta hỏi tôi, và khi người ta đi rồi tôi chắc họ cũng ngờ tôi mất trí. Cô đào chánh của đoàn tôi thật đẹp, thật là dễ thương và thật tử tế, vậy mà đi ở ngoài phố trông thấy cô ta đi về phía mình tôi phải vội vàng quay lưng giả bộ chăm chú nhìn trong tủ kính và tìm rẽ sang lối khác để tránh chạm mặt. Dần dà tôi không chú trọng tới sự ăn mặc, trở thành hết sức lười thôi. Cùng đi với đoàn bao giờ tôi cũng trễ lại sau cùng, và đến phút cuối tôi mới chạy đến sân ga, tóc tai bù xù, nên thường xuyên bị trách mắng. Để cho có bạn, tôi bèn mua một con thỏ, và dừng lại một nơi nào tôi tìm cách đem nó nhốt chung vào phòng mình mà không cho chủ nhà biết. Con thỏ thật xinh nhưng không quen sống trong nhà.

Bộ lông của nó vừa trắng vừa sạch đến nỗi không ai ngờ rằng nó lại có thể hôi hám đến thế. Tôi nhốt nó trong một cái lồng bằng gỗ nhỏ, giấu ở dưới giường. Bà chủ bước vào trong phòng thật là vui vẻ, mang các thức ăn cho tôi, nhưng cũng liền đó bà ta đánh hơi thấy mùi khác lạ và vội vàng bước ra ngoài với vẻ ngạc nhiên, lo lắng. Đợi bà ra khỏi, tôi phóng thích ngay con thỏ để nó vọt qua khỏi phòng. Từ đó, tôi tìm cách dạy nó biết vọt ra khỏi chuồng mỗi lần có người gõ cửa. Khi bà chủ nhà khám phá được bí mật đó, tôi bèn trình bày sự việc khiến bà cũng thấy cảm động và bà cố gắng chịu đựng chúng tôi trong một tuần lễ. Nhưng lúc tôi đến Tô-Ni Pân-Đi sau khi tôi đã trình bày cho bà chủ nhà biết rõ tài nghệ của con thỏ tôi, bà ta mỉm một nụ cười bí mật không nói năng gì. Nhưng tối hôm đó, khi tôi trở về, thì con thỏ đã biến mất. Tôi cố gắng hỏi, bà chủ lắc đầu và bảo:

- Chắc là nó trốn đâu đó hay ai đánh cắp mất rồi.

Nhưng chính bà đã tìm ra một cách giải quyết vấn đề thật là công hiệu.

Sau khi trình diễn bốn mươi tuần lễ vòng quanh các tỉnh, đoàn của chúng tôi quay về trình diễn tám tuần trong vùng ngoại ô Luân Đôn. Vở kịch chúng tôi đang diễn thu gặt kết quả hết sức rực rỡ, nên hết chuyến lưu diễn này sẽ tổ chức thêm một chuyến thứ hai độ ba tuần lễ. Anh tôi và tôi quyết định rời khỏi chỗ cũ quá sức chật chội để tìm thêm một ngôi nhà ở trong khu phố khang trang hơn nhiều. Như những con rắn, chúng tôi cũng muốn thay da, rời bỏ những vết tích của quá khứ. Có một vai phụ ở trong vở kịch trong chuyến lưu diễn sau này và tôi đề nghị với viên quản lý đoàn hát thu nhận anh tôi thủ vai trò đó. Anh tôi đã được chấp thuận với tiền thù lao mỗi tuần là ba mươi lăm xi linh. Lần này chúng tôi được đi chung trong đoàn hát. Mỗi tuần anh tôi đều viết thư về cho mẹ, và sau chuyến lưu diễn này chúng tôi nhận được lá thư của dưỡng trí viện cho biết mẹ tôi đã bình phục rồi. Thật là một tin hết sức vui mừng. Chúng tôi sắp xếp mọi việc để mẹ tôi rời bệnh viện và về ở với chúng tôi. Để mừng sự đoàn tụ ấy, chúng tôi thuê một ngôi nhà thật sang gồm có hai phòng và một phòng khách, có một dương cầm trong phòng mẹ tôi

cùng với nhiều hoa, và chúng tôi đặt một bữa ăn tối thật là sang trọng. Anh tôi và tôi ra ga đón mẹ, hôn hờ sung sướng, nhưng tôi vẫn tự hỏi lòng với ít nhiều nỗi âu lo không hiểu mẹ tôi trở về lại với cuộc sống chúng tôi sẽ như thế nào, vì tôi hiểu rằng những sợi dây đã ràng buộc chặt chẽ chúng tôi như là ngày xưa không bao giờ tìm lại được.

Cuối cùng tàu đến. Chúng tôi nhón nhác dò xét từng khuôn mặt người bước xuống từ các toa tàu. Rồi mẹ tôi đến, tươi cười bước tới một cách trầm lặng. Bà không lộ một vẻ gì xúc động khi anh em tôi gặp bà, mà đã đón tiếp chúng tôi với sự phải phép thân tình. Rõ ràng mẹ tôi cũng cần phải có thời gian để mà hòa hợp.

Trên chuyến xe ngựa ngắn ngủi từ ga về nhà, mẹ con chúng tôi nói hàng trăm chuyện. Sau phút phấn khởi dẫn dắt mẹ tôi xem nhà, xem căn phòng dành riêng cho bà, chúng tôi họp lại ở trong phòng khách, nhìn nhau nghẹn ngào. Đó là một ngày đẹp trời, căn phòng chúng tôi nhìn ra đường phố yên tĩnh, nhưng sự vắng lặng bây giờ trở thành nặng nề và mặc dù tôi cảm thấy muốn được toại lòng tôi cũng phải chống chọi lại một nỗi ngột ngạt. Người mẹ khốn khổ của tôi chỉ đòi hỏi thật ít ỏi trong cuộc đời này để được sống vui, gọi tôi tưởng nhớ lại cái quá khứ buồn thảm của mình. Và mẹ tôi là con người cuối cùng trên cõi đời này có thể tác động đến tôi như thế. Tôi tìm mọi cách che giấu những cảm nghĩ ấy. Mẹ tôi có phần già hơn và nặng nề hơn. Tôi thường lấy làm kiêu hãnh về cái dáng đi của bà, về cách ăn mặc của bà và tôi muốn đem bà đến trình diện với đoàn, nhưng bây giờ bà có vẻ xuềnh xoàng. Chừng đoán được ý nghĩ tôi bà quay lại nhìn với một ánh mắt dò hỏi. Tôi đưa tay vén mái tóc mẹ tôi một cách ngượng ngập và mỉm cười nói với bà:

- Trước khi đưa mẹ đến gặp đoàn hát, con muốn mẹ thật khỏe đã.

Mẹ tôi nhìn tôi, rồi cầm búp phấn xoa lên mặt bà vui vẻ nói:

- Mẹ thật sung sướng vì còn được sống.

Chỉ một thời gian ngắn sau, chúng tôi hòa hợp và nỗi buồn rầu của tôi cũng tan biến đi. Mẹ tôi hiểu rõ hơn chúng tôi nhiều rằng cái thời kỳ âu yếm thân mật khi chúng tôi còn ở tuổi ấu thơ giờ đã qua rồi,

và điều đó làm cho bà trở thành yêu quý đối với chúng tôi hơn nữa. Trong cuộc lưu diễn mẹ tôi lo các công việc mua sắm về phần chợ búa, bà thường mua các kẹo bánh, trái cây và hoa về cho chúng tôi. Vì ở ngày xưa, trong cái thời gian khốn khổ nghèo nàn là vậy, khi có dịp đi mua gì vào chiều thứ bảy mẹ tôi cũng vẫn cố gắng mua về cho chúng tôi một bó hoa nhỏ giá độ một xu. Nhưng cũng đôi khi mẹ tôi ít nói, tỏ ra dè dặt và thái độ ấy làm tôi buồn lòng. Mẹ đã xử sự như một người khách trong nhà hơn là mẹ của chúng tôi.

Được chừng một tháng mẹ tôi muốn quay trở về Luân Đôn vì bà nóng lòng muốn lo thu dọn để khi hết chuyến lưu diễn anh em chúng tôi có một ngôi nhà thơm mát để ở. Bà còn bảo rằng đi theo đoàn hát chỉ thêm tốn kém.

Mẹ tôi thuê một căn nhà khá tốt, tìm cách trang trí thật đẹp. Hai anh em tôi mỗi tuần lãnh được bốn liu và năm xi-linh, chúng tôi cùng trích để gởi cho mẹ một liu và năm xi-linh. Hết kỳ lưu diễn lần thứ hai này anh em tôi sẽ cùng ở với mẹ trong nhiều tuần lễ. Dù rất sung sướng trong cảnh sống ấy, thâm tâm chúng tôi vẫn thích được đi lưu diễn trở lại. Hẳn là mẹ tôi cũng hiểu điều đó. Khi bà tiễn anh em tôi ở tại sân ga trông bà rất vui nhưng chúng tôi thấy bên trong như ảm nỗi buồn. Trong kỳ lưu diễn lần thứ ba này mẹ tôi viết gởi chúng tôi có cho biết về một sự éo le do chính định mệnh gây nên là bà Lu-i, người vợ thứ hai của cha tôi đã chết ở viện Tế bần Lâm Bết, cùng nơi mà mẹ con tôi đã từng trú ngụ ngày xưa. Sau khi cha tôi qua đời được chừng bốn năm thì bà nổi gót, để lại đứa bé một mình, và nó cũng được gởi đến trường học Hân Huên mà anh em tôi ngày xưa đã phải trải qua. Mẹ tôi viết rằng bà có đến thăm đứa bé, cho nó biết bà là ai, nhắc lại anh tôi và tôi đã cùng chung sống với cha mẹ nó ở phu phổ cũ. Nhưng nó hầu như không nhớ được gì, vì vào thời đó nó mới lên bốn. Nó cũng không còn giữ lại một hình ảnh nào về cha nó nữa. Bây giờ nó đã lên mười. Nó mang tên của mẹ nó khi bà còn bé, và theo như mẹ tôi biết thì nó không còn ai là bà con thân thích. Mẹ tôi tả nó như một đứa bé xinh đẹp, ít nói, cả thẹn và vốn ươn tư. Mẹ tôi đem đến cho nó kẹo bánh, trái cây và hứa hẹn sẽ thường xuyên thăm nó, điều mà chúng tôi chắc chắn là bà giữ lời, mãi cho đến lúc bà bị mất trí trở lại và phải đưa vào dưỡng trí viện.

Cái tin mẹ tôi đau lại làm anh em tôi thực là khổ tâm. Chúng tôi không bao giờ biết rõ được chi tiết của sự việc ấy. Anh em tôi nhận được một thông báo vắn tắt cho biết người ta tìm thấy mẹ tôi lang thang ở ngoài đường phố miệng nói lảm nhảm. Chúng tôi không còn có thể làm gì khác hơn là phải chấp nhận số mệnh của người mẹ khốn khổ ấy. Bà không bao giờ tìm lại hoàn toàn được tâm não mình. Trong nhiều năm dài bà đã héo mòn trong dưỡng trí viện cho đến ngày anh em tôi có đủ phương tiện đưa bà chữa trị trong một bệnh viện.

Đôi khi những vị hung thần chuyên gieo tai họa cho người cũng thấy mệt mỏi và lại rĩ lòng thương hại, như trong trường hợp mẹ tôi. Trong bảy năm sau của cuộc đời bà, bà đã sống trong tiện nghi đầy đủ, giữa hoa và ánh sáng, và thấy những đứa con bà đạt được danh vọng và sự giàu sang ở ngoài mọi sự mơ ước của bà.

Sạc-Lơ Sa-Pơ-Lanh
(*Vũ Hạnh lược dịch*)